

QUAN HOÀNG PHÁP CỦA GIÁO HỘI TĂNG GIÀ TOÀN Q



LIÊN HOA

NGUYỆT SAN

SỐ 9 — THÁNG CHÍN NĂM CANH-TÝ

LIÊN - HOA

Nguyệt - San

Số 9 năm thứ VI

Rằm tháng 9 năm Canh-Tý (3-11-1960)

TRONG SỐ NÀY :

| | |
|--|---------------------------|
| Thiện Tri-thức | <i>Liên-Hoa</i> |
| Tín-ngưỡng cần phải phân-biệt (<i>Mẫu chuyện đạo</i>) | <i>Thích-Thuyền-Minh</i> |
| Tìm hiểu phái ZEN ở Nhật | <i>Thích Thiên-Ấn</i> |
| Gió đêm thu (<i>Thơ</i>) | <i>Thạch-trung-Giã</i> |
| Chùa Nhận-Sơn | <i>Quách-Tấn</i> |
| Thư gửi bạn | <i>Nguyễn-Thái</i> |
| Không phải lỗi tại em (<i>chuyện ngắn</i>) | <i>Đương-trường-Giang</i> |
| Sự quan trọng của nền giáo-dục Phật-giáo | <i>Quốc-Anh dịch</i> |
| Mừng gặp bạn xuất gia (<i>Thơ</i>) | <i>Quảng-Vận</i> |
| Những ngã đường (<i>Chuyện dài</i>) | <i>Võ đình-Cường</i> |
| Nghệ - thuật giảng dạy Phật - pháp cho | |
| Thiếu - nhi | <i>Thích-Chánh-Tiền</i> |
| Tín tức. | |

Bìa do Họa-sĩ Phạm-dăng-Trí trình bày

Thiện - tri - thức

Đạo và đời là hai vấn đề lớn của con người, hay nói một cách chặt chẽ hơn là hai phương diện sinh hoạt của con người. Đối với những tín-dồ thuần thành, yêu đời và trọng đạo, thì hai phương diện ấy khắn khít với nhau, liên quan một thiết chan hòa với nhau. Họ làm việc đời mà không quên đạo; họ làm việc đạo mà không quên đời. Hay hơn nữa, mỗi hoạt động của họ có hai tác dụng, dung-thông cả đời lẫn đạo. Hai cái gương sáng nhất cho người Phật-tử là ông U-Nu, Thủ-tướng Miến-Điện, và bà Bandaranaike Thủ-tướng Tích-Lan. Ông U-Nu, một Phật-tử thuần thành, đã từ chính trường trở lại làm nhà Sư đi khát thực, và đã từ một tu-sĩ khát thực trở lại chính trường một cách vô ngại. Khi ông đi khát thực, không ai có thể trách ông đã lánh đời, cũng như khi ông ra làm chính-trị, giữ một chức-vị quan trọng nhất trong nước, không ai trách ông đã bỏ đạo... Cái tác phong thuần cần cao quý ấy, không những người đồng đạo mà cho đến những người ngoại đạo cũng phải mến phục.

Trái lại, ở quanh ta, có một số người khi còn hàn vi khi chưa gây tạo cho mình một địa-vị, thì còn là Phật-tử, có nhiều khi còn tỏ ra thuần thành nữa. Nhưng khi có địa-vị rồi, họ xây lung với đạo, có nhiều khi còn tỏ ra xem thường cái đạo mà trước kia mình đã tôn thờ nữa. Đức Phật ngày xưa đã lia bỏ chức-vị đá-vương phú quý để sống cuộc đời bình dị thanh thoát, thì ngày nay hạng Phật-tử ấy lại đi ngược lại, nghĩa là từ địa vị bình dị, thanh thoát trở lại chen lấn vào vòng danh lợi. Và họ cho rằng đó là một sự tiến-bộ và trở lại khinh chê những người an bần lạc đạo, những người trung kiên với tín-ngưỡng mình, những người không đua đòi ăn diện, không xem danh lợi là mục đích chính của đời.

Đáng trách nhất là những hạng tự cho mình là đại-trí-thức, sau một thời gian đi đó đi đây, họ dật được vài mảnh bằng, trở lại kính bị đồng bào, vì họ cho không ai tài giỏi và tiến bộ bằng mình. Thái độ của những người tự cho là đại-trí-thức ấy chẳng có gì là trí-thức hết. Họ tưởng như có quyền bắt người chung quanh kính phục mình. Họ quên rằng đâu phải vì mảnh bằng mà người khác kính phục? Kính phục là một hình thức tế nhị của lòng tri-ân. Khi mình dùng mảnh bằng của mình để vinh thân, phì gia, ngoài ra không giúp ích được gì cho đồng bào, đồng loại, thì dù mình thật có «tài ba xuất chúng» đi nữa, chưa chắc người ta đã kính phục, huống hồ mình chỉ có cái học để dật mảnh bằng, hay chỉ vì tiêu xài mà có địa-vị!

Có thể gọi là trí-thức được chăng, khi họ chỉ có tầm mắt, dù nhìn vào gia-đình riêng của họ, và một vài bộ y phục lộng lẫy vài chiếc xe hơi chạy qua chạy lại trước mắt họ? Có thể gọi là trí-thức được chăng, khi tai họ không nghe được những tiếng rên siết, than thở bên hàng xóm láng giềng...?

Những hạng trí-thức ấy, nếu có thể miễn cưỡng mà gọi, thì cũng không phải thứ mà trong đạo Phật thường gọi là thiện-trí-thức. Thiện-trí-thức của đạo Phật là những người nhận thấy được nỗi khổ của chúng sanh và quyết tâm góp sức vào sự diệt trừ nỗi khổ ấy; là người nhận thấy luật «vô-thường giả huyền» của vạn vật và quyết tâm không để cho luật «vô-thường giả huyền» chi phối mình; là người biết rõ sự Vô nghĩa của «cái tôi» và những gì phụ thuộc vào nó; là người luôn luôn tra dồi trí-tuệ nhận rõ sự thật; là người sẵn sàng thực hiện Từ-Bi gây mầm an-lạc cho đồng loại....

Nói tóm lại, Thiện-trí-thức là người luôn luôn làm chủ được lòng mình và tình thế, không bị hoàn cảnh, những hào nhoáng nhất thời lôi kéo, trong khi làm việc cho đạo hay cho đời, trong khi đứng trước bàn Phật, cũng như bất luận ở đâu, đều giữ được tác phong đứng đắn, bình tĩnh, thanh thoát của người Phật-tử.

Đấy, Thiện-trí-thức của Đạo Phật.

TÍN-NGƯỜI CẦN PHẢI PHÂN-BIỆT

MẪU CHUYỆN ĐẠO CỦA THÍCH THUYỀN-MINH

Có một đoàn buôn người Candra, đi qua Madoro. Xứ Madoro có một ngôi tháp Phật. Trong đoàn buôn có một Phật tử, khi đi ngang qua tháp ấy liền vào kính lễ, gặp phải một nhóm giáo-sĩ ngoại đạo. Thấy người Phật-tử ấy kính lễ, không những họ chế cười mà còn khiêu khích:

— Sao không lạy Phạm-Thiên mà lạy tháp ấy? Người Phật-tử từ hòa đáp lại:

— Tôi chỉ biết vài điều vĩ-đại của đức Thế-Tôn nên thành tâm kính lễ. Tôi kính ngài vì ngài là ngôi sao muốn thưở của dân tộc Ấn-Độ. Còn Phạm-Thiên của các ngài tôi chưa biết có điều chi mà đáng kính lễ.

— Thần đức Phạm-Thiên chúng ta mà anh không hiểu? Đây nhé, tất cả nước Madoro này nếu Phạm-Thiên chúng ta muốn, là chết hết như lửa đốt rơm khô trong một khắc. Anh hiểu chưa?

Người Phật-tử hơi tẩy làm lạ:

— Sự sống đáng quý biết bao nhiêu? Nếu là đáng sáng suốt sao lại tàn sát sự sống? Nếu là người sáng suốt sao lại kính thờ kẻ tàn sát sự sống.

Nghe thế, những người ngoại đạo tức thì hết vang:

— Anh này ngu! Sao anh dám bảo Phạm-Thiên không sáng suốt?

Người Phật-tử vẫn điềm tĩnh:

— Sự tàn sát là một hành-động độc-ác, bất cứ trường hợp nào. Xâm phạm sự sống của người chỉ có thể là phản ảnh trung thành của một tâm-trí mê mờ. Kết quả của hành-động ấy không sao tránh khỏi luật nhân-quả công bình, mặc dầu người hành-động đó là ai. Và qui-ngưỡng người hành-động như thế hẳn không phải là kẻ sáng suốt vậy.

Nghe thế, nhóm ngoại đạo xúm nhau lại, trợn mắt hươ tay, loan muốn hành hung, nhưng người Phật-tử vẫn nhân-nhã :

— Tôi tuy một mình nhưng có sức mạnh của lẽ phải, các Ngài không nên dùng vũ-lực.

Và điềm đàm tiếp :

— Chúng ta hãy cùng nhau suy nghĩ. Hãy soi sáng cho nhau. Như kẻ không tôn trọng sự sống của người mà đáng kính thờ thì sao ta không thờ ác thú hay những kẻ khát máu? Cho nên chỉ những kẻ mê mờ vì khiếp nhược mới kính thờ: còn người sáng suốt nên trái lại, chỉ thờ kính người nào đã tôn trọng sự sống của chúng-sanh mới phải. Phật-tử chúng tôi vì trọng sự sống của muôn loài trên chỉ thờ kính đức Như-Lai, đấng đại-từ đại-bi.

— Nhưng Như-Lai của anh có những điều gì đặc-biệt?

— Đặc-biệt nhất là Như-Lai cũng người, nhưng người ấy đã vì mọi người và muôn loài mà hy sinh tất cả, để tìm và đã tìm được con đường quang-minh, với một năng-lực vô biên. Vì chúng-sanh, Ngài chịu đủ mọi sự đau khổ, nhưng quyết làm cho họ được giải-thoát chứ không rời bỏ.

— Còn gì nữa?

— Ngài dạy phải sáng suốt: hiểu biết sáng suốt và hành-động sáng suốt. Hiểu biết sáng suốt là chỉ tin những gì qua sự suy nghiệm đúng lý và có ích, không tin những gì dù là chủ nghĩa của người mình tôn thờ, dù là của số đông

thừa nhận. Hành-động sáng suốt là không xâm phạm quyền sống của người khác, không cố chấp sống là tranh đấu mà thấy rằng chỉ có một sự sống, sự tương quan sinh-tồn.

— Quý hóa thay, thế mới là Đạo Tri-Tuệ. Còn gì nữa, xin ông kể tiếp?

— Phải đủ hùng lực. Đó là điều theo lời Phật dạy, rất cần thiết. Phải mạnh-mẽ hành-động và nhất là phải mạnh-mẽ hành động theo lẽ phải. Đừng khiếp nhược và đê-ý chí vâng-chỉ phôi hành động. Là Phật-tử, phải hiểu sự sống không chỉ có nghĩa là yên ổn và sự sống trong một đời: có hùng lực mới bảo vệ được sự sống và sự sống mới có nghĩa. Cho nên vì tôn trọng sự sống, Phật không thể thiếu hùng lực được.

— Lành thay, thế mới là Đạo Tư-Bí, thế mới là Đấng Đại Hùng.

— Nhưng chưa hết, Đức Phật chỉ rõ cho chúng ta thấy tất cả đều có «Phật tánh» nghĩa là khả-năng giác-ngộ. Khả năng này người cũng như trời, vật cũng như người, chúng sinh cũng như chư Phật, ai cũng như ai, ai cũng có cả. Khác chăng là phát-triển hoàn toàn hay chưa hoàn toàn, hay đang bị che khuất mà thôi. Do điều này nên nếu ai kiêu ngạo bảo mình là cha chúa của muôn loài, là vì không nhận rõ giá-trị của muôn loài, nên muôn loài không đáng kính thờ. Cũng do điều đó nên chúng ta phải tự trọng và trọng người trọng vật. Chúng ta phải hướng về giác-ngộ, đứng-quay lại ngu mê, và phải có nhiệm-vụ hướng-dẫn mọi người theo con đường ấy.

— Nam mô Phật-Đà! Chúng ta nên quý người đáng đã phát huy giá-trị tối cao của muôn loài ấy.

Nhóm ngoại đạo nói lớn với nhau như thế rồi hỏi người Phật-tử:

— Sao Đức Phật không dùng uy-thế áp-phục người?

Sao không dùng mưu chước khuyến dụ người? Sao...

Người Phật-tử nghe chưa hết, liền lấy tay đập tai lại và ngắt bảo :

— Xin các Ngài đừng báng bỏ đức Phật; Đừng...! Là cơ truyền đạo của Phật là ánh sáng Tri-tuệ, tình thương Từ-bi. Điều kiện tiếp xúc với đạo Ngài không phải chỉ là tin-ngưỡng, phục tùng mà là, xin các Ngài nghe cho kỹ, là sự suy-nghiệm sáng-suốt và tự lực bước tới giải thoát. Ngài có dạy: «Các người hãy tự đốt đuốc Tri-Tuệ lên soi đường mà đi. Ta chỉ là Thầy dẫn đạo».

— Ngài dẫn đạo bằng giáo-lý chi?

— Một là tất cả, tất cả là một. Vạn vật tương quan sinh tồn. Đầu cũng chỉ có chữ chung mà không có dấu riêng. Hạnh-phúc cá-nhân cũng ở trong hạnh-phúc toàn-thể. Tách biệt cá-nhân ra là hạnh-động mê mờ và tất nhiên phải đau khổ. Nhưng đau khổ không thật, sự thật không giả, nên an-lạc có thể kiến-thiết, thống khổ có thể diệt trừ, nếu chúng ta có một ý chí không khuynh đảo, một năng-lực không kém hèn. Tôi chỉ hiểu có ngàn ấy. Nhưng giáo-lý của Phật, thì ôi! rộng lớn hơn vũ-trụ, mà hiểu cho biết nó, tôi chỉ có một mớ tri-thức con người. Nhưng như lời Phật dạy, chân-lý có thể hiện chứng, việc đời chẳng có chi khó, nên tôi đờng hằng ngày tu học. Nếu cần, các ngài có thể tìm tôi tu học thêm do sự hướng-dẫn của tri-tuệ các ngài, và do tri-đức của các vị Tăng-già.

— Cám ơn ngài! May mắn cho ngài xiết bao! Ngài có duyên nên sớm gặp đạo Chánh-Giác. Còn chúng tôi, đời người ngắn-ngủi, mà đến ngày nay chúng tôi mới ra khỏi khỏi mù tìm thấy và hướng về ánh sáng. Nhưng muốn còn lợi ích hơn không vậy.

Phỏng thuật theo ĐẠI - TRANG - NGHIỆM - KINH LUẬN

VI. — *Khỉ nguyên của ZEN*

Các vị Tỳ-Kheo thường dân chỗ A-luyện-nhã (1), dưới gốc cây hoặc trong nhà vắng vẻ kiết-giả phu-tọa, chánh thân nhiếp niệm, điều hòa hơi thở, quán-niệm tư-duy

TRƯỜNG BỘ, ĐẠI NIỆM XỨ KINH

ZEN là một di sản văn-hóa vô cùng cao quý của người Đông-phương. Vì thể hiện nay Zen có một sức mạnh hấp dẫn người Âu-Mỹ, nhất là các giới trí-thức muốn tìm hiểu đến văn-hóa cổ truyền, tinh-thần thuần-túy của người Đông-phương. Thuyết lý của Zen vừa cao vừa rộng, nên rất khó thấu triệt đến nguyên do. Cũng như Phật-giáo, Zen là một học thuyết, một phương-pháp tu-hành phát-sanh từ Ấn-Độ, rồi dần dần truyền đến Trung-Hoa, Nhật-Bản v. v . . . Tựa trung, căn cứ vào lịch-sử thì Zen có trước Phật-giáo; lịch-sử của Zen đã có từ những thời đại thượng-cổ.

Để hiểu qua về khỉ nguyên của Zen, trước hết chúng ta cần hiểu đến một vài yếu điểm về lịch-sử, dân-tộc-tánh và nhu-cầu tất yếu của người Ấn-Độ ở thời bấy giờ. Về lịch-sử chúng ta thấy: trước đây hơn 5000 năm lịch-sử, dân-tộc có công lớn trong việc xây dựng một nền văn-hóa phong-phú của Ấn-Độ thời ấy là dân tộc Aryan. Dân-tộc Aryan này bắt đầu là ở vùng Trung-trong Ấn-Độ, về sau dần dần di cư về hướng Nam, rồi đến hướng Đông-Tây. Dân-tộc Aryan là một dân-tộc rất ham chuộng phương-pháp tư-duy, đồng thời cũng chịu nhiều ảnh-hưởng với nền tư tưởng triết học

1) A-luyện-nhã là những nơi thanh vắng yên lặng, ít người lui tới qua lại.

của Greece và các nước Âu-Tây khác, nên các ngành văn-hóa, học-thuật, khoa-học, triết-học đã tiến đến một trình-độ rất cao.

Dân-tộc Aryan trong khi di-chuyển về hướng Đông, họ vượt qua dãy núi Hindú-kush, vượt qua thung-lũng Kabùl, rồi đến cư-trú tại địa-phương Ngũ-Hà (Pănjab). Ngũ-Hà là chi lưu của con sông Indus, đồng thời cũng là một địa-phương đã sản xuất ra nền văn-hóa phong-phú mỹ-lệ của Ấn-Độ ngày xưa. Trong khi di-chuyển về địa-phương Ngũ-Hà, dân-tộc Aryan dần dần chinh phục người dân bản-xứ, tức là giống người Dravida, rồi tiến về phía Đông nam, đến trú ngụ tại lưu vực sông Ganges (Ganga). Sông Ganges là một con sông lớn do nhiều chi lưu hợp lại, kể cạnh là một vùng bình nguyên bao la rộng rãi. Khi dân-tộc Aryan di-chuyển đến đây, họ cố công khai sông mở rừng, cải tiến lâm-nghiệp, lợi dụng thủy sản, canh phá ruộng vườn v.v. Đó là nguyên-nhân trong việc tạo lập vùng này trở thành một đô-thị phồn-hoa sản-nghiệp.

Giống người Aryan này là một giống người tương-tự với người Âu-Tây (2). Họ có một thân hình cao lớn, da trắng, mũi cao, chỉ có tròng con mắt đen là khác mà thôi. Dân-tộc này theo với chế-độ «phụ hệ», nghĩa là người cha và chồng là gia-trưởng của gia-đình và rất giàu lòng tôn-giáo tín-ngưỡng. Vì là một dân-tộc di-động và có lẽ trong những khi di-động ấy, họ đã gặp nhiều nguy hiểm thử thách của thiên-nhiên tạo vật nên quan-niệm tôn-giáo, tin mộ thần linh, và các nghi thức tế tự lễ bái được thịnh hành phát triển chẳng? — Những người chuyên lo về các việc nghi-lễ tôn-giáo, tế-tự thần linh này phần nhiều đều áp dụng theo tục-lệ «thế lũng» (3). Ngoài nhiệm vụ nghi-lễ tế-tự ấy, họ còn có

2) Về sau giống người này đồng-hóa với dân bản xứ để tạo thành một giống người Ấn-Độ da trắng như ngày nay.

3) Thế-lũng nghĩa là cha truyền con nối, chỉ có một giống họ, một giống người, một giai cấp được truyền thừa nhiệm vụ chuyên lo vấn-đề nghi lễ tôn-giáo, tế-thần-linh mà thôi.

nhiệm vụ quản-trị về các việc có tánh cách văn-hóa, học-thuật, giáo-dục của nhân-dân nữa. Chung hợp các hạng người này lại, người ta lập nên một giai-cấp của xã-hội và giai-cấp này tức là chỉ cho các hạng người trong giống họ Bà-la-môn (Brāhmana)

Dân-tộc Aryan đã là một dân-tộc di-dộng, vì thế vấn-đề đánh bại dân-tộc bản xứ và chiếm cứ đất đai bờ cõi là một vấn đề cần thiết. Hơn nữa, sau khi đã chiếm được đất đai của người bản xứ để làm chỗ định cư của mình, tất nhiên vấn đề phòng ngừa dịch thú, bảo-vệ lãnh thổ đã chiếm được cũng là một việc rất cần thiết. Hạng người đảm đương nhiệm vụ này là hạng Võ-sĩ và Vương-tộc. Về sau hạng người này được thành lập thành một giai cấp trong xã-hội và thường gọi là giòng họ Sát-đế-lợi (Kṣatriya).

Hơn nữa, sau khi mọi người đã định cư trong một lãnh thổ, tất nhiên vấn-đề chung sống, vấn-đề trao đổi tương-trợ nhau trong sinh-hoạt hằng ngày là một vấn-đề không thể bỏ qua được. Do đó, các hạng người thuộc về nông-nghiệp, công-nghiệp, thương nghiệp và các việc mua bán, đổi chác, sanh sản v.v. được phát sanh. Các hạng người này được liệt thành một giai cấp và danh từ để chỉ chung cho các hạng người thuộc về giòng giống này gọi là Tỳ-Xá (Vaiśya).

Ngoài ra, còn có giống người bản-xứ, tức là giống người Dravida đã bị dân-tộc Aryan chinh-phục thì gọi là Thủ-đa-la (Sudra). Hạng người thuộc về giai cấp Sudra này được xem là hạng người nô-lệ của dân tộc Aryan và bị khinh-thị sử-dụng như các loài gia súc!

Bốn giòng họ, 4 giai cấp trong xã-hội Ấn-Độ trên đã được cấu thành từ thời ấy. Quan niệm tách-biệt nói giống, phân chia giai cấp này được bộc phát mãnh liệt vào khoảng 1000 năm trước Tây-lịch kỷ-nguyên. Đứơc Thích-Tôn là người đầu tiên xướng thuyết bình-dẳng, đứng lên phản đối quan niệm phân chia giai cấp này. Theo Ngài thì giá trị con người không thể dựa vào giòng họ giai cấp, trái lại, cần phải cần

cứ vào hành vi đức tánh của người ấy. Tuy nhiên, vì là tập tục của nghìn xưa để lại, nên quan niệm phân chia giai cấp này đã ăn sâu vào óc tủy của người Ấn-Độ, không dễ gì ngày một ngày hai mà phá bỏ được. Chính quan-niệm phân chia giai cấp này là một chướng ngại lớn cho Ấn-Độ trên đường thống nhất quốc-gia, cải tiến xã-hội, không những ngày xưa mà đến cả bây giờ nữa.

Như trên là xét qua về lịch-sử và quan-niệm phân chia giai cấp của người Ấn-Độ. Còn về dân-tộc-tánh và nhu cầu của người Ấn-Độ thì chúng ta thấy: Dân-tộc Ấn-Độ là một dân-tộc rất hàm mộ các vấn-đề văn-hóa, triết-học, tôn-giáo. Như chúng ta đã biết: vùng Kuru thượng-lưu của sông Ganges là một vùng có thể xem là trung-tâm văn-hóa của Bà-la-môn; sau khi dân-tộc Aryan di-chuyển đến đây, 2 nguồn văn-hóa (Văn-hóa Bà-la-môn và Văn-hóa của dân-tộc Aryan) ấy hợp thành một, gây được một thế-lực lớn mạnh và dần dần truyền xuống vùng hạ lưu sông Ganges là nơi mà triều thần và quốc-vương dựng lập cơ-dở. Nên nhớ rằng: thời ấy là thời quốc-gia Ấn-Độ đang ở trong hoàn cảnh thái bình thịnh-vượng, nên không những là các tầng lớp nhân dân, các hạng giáo-sĩ Bà-la-môn, đến cả đình thần vua chúa cũng rất chuyên-tâm đến vấn đề phát huy tinh-thần, văn-hóa, triết-học v.v. Có nhiều ông vua đã rất am-tường các vấn-đề tôn-giáo triết-học, cũng có nhiều ông vua đã cho triệu các vị triết-nhơn, học-giả về cung để học-hỏi,

Đó là nói đến dân-tộc-tánh của Ấn-Độ. Còn về diêm nhu-cầu thì chúng ta thấy: Ấn-Độ là một xứ nhiệt đới rất nóng nực. Con người vì muốn tránh cái mạnh-oiay ấy của thiên-nhiên, nên họ tìm đến những nơi núi rừng mát-mẻ để nghỉ ngơi. Những người chuyên lo về mặt tinh-thần tôn-giáo cũng thế, họ muốn tìm đến những nơi núi rừng mát-mẻ để làm nhiệm-vụ, nhất là việc tế-tự lễ-bái thần linh. Chính 2 quan-diểm ấy đã đưa người Ấn-Độ gần với cảnh núi-nòn

thanh-vắng và từ đó, người ta mới dần dần phát minh ra phương-pháp: ngồi đoan-tọa minh-tướng dưới gốc cây là một lối tu hành rất bổ-ích cho việc trau dồi tâm địa, hòa-hợp cá-tánh với bản thể vậy. Phương-pháp đoan-tọa minh-tướng này về sau được tổ-chức cải lần và gọi là phương-pháp tọa-thuyền. Phương-pháp tọa-thuyền này dần dần tùy theo thời-gian mà thay đổi biến-thiên, đến bây giờ thì còn lại 2 cách: cách chính thức gọi là Kiết-già phu-tọa (Paryanka) và cách lược-thức gọi là Bán-già phu-tọa (Ardha-paryanka).

Như trên là lược-thuật về chỗ phát-nguyên của Zen. Nhưng Zen là gì? Đó là vấn-đề chúng ta cần phải đề-cập đến đây. Zen là tiếng Nhật, tiếng Việt-Nam gọi là Thuyền, tiếng Trung-Hoa gọi là Ch'an. Danh-từ này là phát sanh từ Jhàna, tục ngữ của Ấn-độ. Cách phiên-âm của người Trung-Hoa thường bỏ mẫu-âm sau cùng, vì thế chữ Jhàna bỏ mẫu-âm a, họ phát-âm thành Jhàna, tức là Ch'an. Chữ Jhàna theo tục-ngữ, có một ý-nghĩa gần giống như chữ dhyàna theo nhĩ-ngữ của Ấn-độ. Chữ dhyàna này là phát-xuất từ Áo-nghĩa-thơ (Upanisad) của triết-học Bà-la-môn. Bộ Upanisad này gồm có rất nhiều loại, nhưng trong đó bộ Chāndogya-upanisad là bộ xưa nhất. Nguyên-ngữ của chữ dhyàna người ta tìm thấy trong bộ sách này. Điều ấy, một lần nữa chứng-tỏ cho ta thấy rằng: Zen nguyên sơ là một phương-pháp tu-hành của ngoại-đạo và đã có trước Phật-giáo. Tất nhiên về sau được chỉnh-bị và cải-tiến nhiều để đi đến Zen của Phật-giáo như ngày nay.

Ở đây, chúng ta cũng cần nhớ thêm rằng: Kinh-diễn của Phật-giáo phần nhiều đều chép thành văn Sanskrit và văn Pali. Về sau truyền đến Trung-Hoa tùy theo người dịch mà có đôi phần khác nhau. Ngài Huyền-Trang (600-664) đời Đường là một vị pháp-sư rất danh-tiếng trong vấn đề phiên-dịch kinh-diễn thành Hán-văn. Tam-tạng kinh-diễn dịch trước Ngài Huyền-Trang trở đi gọi là cựu dịch và những kinh điển dịch từ đời ngài Huyền-Trang trở đi gọi là tân dịch. Theo cựu dịch thì chữ dhyàna dịch là Tư-duy-tu. Tư-duy-tu là tập trung tâm

niệm lại một chỗ để quán-sát tu-hành. Theo quan-niệm của người Ấn-độ thì đại phạm muốn hiểu biết chứng-ngộ chơn-lý là phải thật-tế hòa mình vào chơn-lý ấy. Theo tân dịch thì chữ dhyàna dịch là Tịnh-lự. Tịnh-lự là lắng-đứng tâm-niệm, chuyên-tâm nhất-xứ để quán-sát suy-nghĩ. Vì nếu tâm-tân-loạn thì không thể liễu-ngộ và chứng-đắc chơn-lý được.

Ngoài ra, chữ dhyàna cũng dịch là định. Định tức là tâm-niệm An-trú vào một cảnh, các tác động tâm-lý như tán-toạ, hôn-trầm, trạo-cử không sanh. Có khi chữ samādhi cũng được dịch là Định, Samādhi tức là Tam-ma-địa, cũng gọi là Tam-muội, nghĩa là tâm-niệm tập-trung, chuyên chú vào một cảnh chánh-định. Cũng có khi dịch là Đăng-tri, nghĩa là bảo-tri tâm-niệm cho bình-đẳng chuyên nhất. Cũng vì nghĩa này nên tâm-lý đắm trước vào cảnh Hữu-đảnh-thiền, hoặc tâm-lý hôn-trầm mê-muội, vì mất sự cân bằng bình-tịnh của tâm, nên không được gọi là Định. Do chữ Thuyền và chữ Định có một nghĩa tương-đương như thế, nên về sau chữ Thuyền-định dần dần trở thành một thuật-ngữ của Phật-giáo (4)

Ý-nghĩa chữ Zen đại khái như đã trình-bày trên, nhưng về lịch-sử và nội dung thì tùy theo thời, tùy theo chỗ, Zen có nhiều sự biến-thiên thay đổi khác nhau. Thật vậy, Zen trong khi còn ở Ấn-độ chỉ là một phương-pháp tu-hành, thuần tánh-chất tôn-giáo. Nhưng khi truyền đến Trung-Hoa và Nhật-Bản vì chịu ảnh-hưởng với dân-tộc-tánh, kết hợp với văn-hóa thực-tiền của 2 xứ này nên Zen đương-nhiên tổ-chức thành một tôn-phái mới. Đây là đặc-chất của phái Zen ở Trung-Hoa và Nhật-Bản, mà chúng ta không thể tìm thấy trong Zen ở Ấn-độ.

Vả lại, ngoài Thuyền-tôn và các tôn-phái trong Phật-giáo thường được gọi là Giáo-tôn, Giáo-tôn là dựa vào kinh-diễn do lời Phật dạy để tôn-thờ, lễ-bái tụng-niệm, vì thế

4) Tham-khảo thêm bài « Ý-nghĩa chữ Zen » đã đăng trong Liên-Hoa số 4. Độc-giả và lễ Phật-Đàn năm Canh-Tý.

nên cũng gọi là Phật-ngũ-tôn. Trái lại, Thiền-tôn thì được gọi là Phật-tâm-tôn. Phật-tâm-tôn tức là tôn-phái chứng-ngộ đến Phật-tâm, chân-tánh và thể nhập vào bản lai diện-mục của mọi loài chúng sanh. Đây là điểm đặc-biệt của Zen, nhất là Zen của Nhật-Bản.

Chủ-trương của Zen là chứng ngộ thể-đắc vào Phật-tâm, chân-tánh của mọi loài. Vẫn biết rằng: mọi loài đều có Phật-tâm, chân-tánh này, nhưng trên thực-tế thì nếu không thực-hành theo phương-pháp của Zen, tất nhiên không thể nào chứng-ngộ thể-đắc được. Tu-tập Zen cho đến khi nào Phật-tâm chân-tánh ấy hiển-hiện hoàn toàn, tức tri-huệ được phát-chiếu. Tri-huệ được phát-chiếu là do tâm định làm gốc. Cho nên định và huệ tương tức, tương-quan với nhau như bóng với hình. Ở đây, huệ tức là tuệ-trí của tôn-giáo, định tức là kiết-già phu-tọa, chánh-niệm tư-duy. Định và huệ được nhất-thể tức gọi là Zen.

Chúng ta nên nhớ rằng: theo chủ trương của Bà-la-môn thì vị thần tên là Brahman (tức là Phạm) là nguồn gốc để Juu-xuất ra tất cả vạn-pháp. Muốn thể-nhập vào Brahman ấy người ta phải thực tiễn tu hành, tức là phải tọa-thiền. Cũng như Phật-giáo, phương-pháp tọa thiền của Bà-la-môn là trước hết phải tạo một hoàn-cảnh thanh vắng, sửa y-phục chỉnh-tề, điều hòa hơi thở, thân thể đoan-chánh, tĩnh-tọa tư-duy. Trong 4 oai-nghi hằng ngày, đi và đứng thì chống mệt, nằm thì tâm dễ rơi vào trạng thái hôn-trầm thụ-miên. Ngồi không có các khuyết-diểm ấy nên ngồi là phương-pháp hay nhất trong khi suy-tưởng quán-niệm. Đây là điểm tương-đồng giữa Phật-giáo và Bà-la-môn giáo.

Về sau, trong triết-học Ấn-độ lại chia thành 6 phái. Lý-tưởng của người Ấn-độ là tạo-lập một sự quân-bình nhất-tri giữa tư-tưởng và sinh-hoạt. Vì thế nên theo quan-niệm của người Ấn-độ thì triết-học và tôn-giáo bao giờ cũng tương-quan mật-thiết với nhau. Lục phái triết-học của Ấn-độ cũng

thể, trong sự triển-khai của nó thường thường có liên-quan mật-thiết với các vấn đề tôn-giáo. Trong 6 phái triết-học này phái Du-giá (Yoga) là một phái lấy tọa-thuyền làm phương-tiện tu-hành, và lấy thần-thông tự-tại (tức là những quyền năng siêu-việt do tọa-thuyền mà được) làm lý-tưởng cứu-kính. Tự trung, trong sự phát-triển của phái Yoga này cũng có ít nhiều ảnh-hưởng với Phật-giáo.

Tóm lại, mặc dù danh-từ Zen đã phát-xuất từ Áo-nghĩa-thơ, đã có trong Bà-la-môn giáo, đã được phái Du-giá trong 6 phái triết học Ấn-độ thực-hành theo, nhưng những thứ Zen ấy thường gọi là Zen của Ngoại-đạo, vì nội-dung, ý nghĩa cũng như phương-pháp, tu-hành không được hoàn-bị chân-chánh. Zen của Phật-giáo thì khác. Với ý nghĩa rõ-ràng, phương-pháp cải tiến, nội dung quảng-đại, và mục-đích cao-cả, Zen Phật-giáo đã làm cho mọi người ham thích, tin phụng và thật-hành theo. Về quan điểm tôn-giáo cũng thế, chúng ta có thể nói: Zen tức là phương-tiện xác-lập cơ-sở tu hành và quả-vị chứng-ngộ của Phật-giáo, Phật-giáo được gọi là tôn-giáo thực-tiến cũng do phương-pháp tu-hành của Zen. Vì thế nên có nhiều học-giả Âu-Tây đã nói: Tôn-giáo của Phật-đà ít dựa vào các nghi-lễ hằng ngày. Trái lại, bản-chất của tôn-giáo ấy là căn-cứ vào phương-pháp thực-tiến tu-hành thuyên-định vậy.

(Kỳ sau: Zen của Đức Thích-Tôn)

Chúng tôi có nhận 3 quyển kinh sau đây, do dịch-giả THÍCH-TÂM-CHÂU gửi tặng:

- Kinh **Tội-phúc báo-ứng** giá : 5\$
- Kinh **Hiếu-Tử** và **Vu-Lan** — 5\$
- Kinh **Chính-Hạnh** và **Thiên-Thỉnh-Vấn** — 5\$

Chúng tôi kính lời cảm ơn Dịch-giả và giới thiệu cùng độc giả xa gần.

L. H. N. S.

ĐÊM thu, canh gà, trăng treo, xanh thắm,
 Hốt thê lương tiếng gió hút bên sông.
 Gió đến xa khơi, gió tự muốn trùng,
 Đem xú xú mà góp trong khúc gió.
 Nhớ đêm thu nọ
 Bên trường sơn một tiễn bạn tri âm
 Tàu đã xa, còi tắt giữa Vô Cùng
 Nghe tiếng ếch dưới sơn không gió hút.
 Tri âm tịch - mộ
 Mấy thu qua xương trắng kiếp tha hương,
 Trăm mối tình qua, ngàn vạn nẻo đường
 Nhớ thuở ấy một phương trời khói lửa,
 Đêm thu canh gà gió qua ngực thũt
 Thức canh ba bên vách ngọn đèn khuya.
 Đi mấy đêm khuya ngàn kẻ không về
 Bóng đợi chết thức nằm nghe sóng chết.
 Đêm nay thê thiết
 Mấy trùng xa, gió ấy lại về đây
 Qua ngàn mây, gò đồng, chạm lâu đài,
 Cuốn âm khi cuốn giai âm sóng nhạc.
 Đêm thu sâu sá
 Lốc hoa bay, cười khòk mấy trùng dương
 Gió cũ năm xưa trở lại bao trường ,
 Hay chợt gió giữa mười phương thế giới.
 Lần xem đầu cuối
 Nương theo người đầu cuối của thời gian
 Trong mình người góp cả tiếng Ba-Ngân
 Trong một hồi cuốn mệnh mang vô thủy.
 Lầu không sập lệ
 Ảnh rung rung hơi gió lọt vào dây
 Như lắng dư ba cánh đỏ hoa gầy
 Gió đã khuất, lửa còn đây vết gió.
 Rung rung sập nhỏ
 Hình bóng Ba - Ngân

Tay trên mặt bàn
Canh sang chẳng động
Trông tim nển trông ngược lên đỉnh nển
Như mào công nôi giữa cánh hà sa
Như mũi kim rút lửa hết linh-tỏa
Như lắng tất — như gần xa gió hút.

HẬU

Tiếng chân san sát
Vào nửa song hồ
Tiếng chân mập mờ
Canh ba gió lại
Quen quen gió ấy
Thu mấy mùa thu
Tiếng chân như ru
Vào ra ống tửy.
Tiếng chân se se
Chạm trên quan tài
Rung rung mũi hài
Bóng ai thiên cõ.
Gió bao lần gió
Thu mấy ngàn thu
Hồn phách du du
Lắc lư giải bạch,
Tiếng chân xê xích
Nghiền cả linh tỏa
Bước trên xác hoa
Lướt qua mi mắt.
Tiếng chân san sát
Vào nửa song hồ
Hãy đưa người ra
Lướt trên cánh gió.
Cõ mộ
Hoang thành
Lướt nhanh
Hỡi gió

Đưa la
 Tìm đó
 Có hải triều âm
 Cưỡi cao thế âm
 Thành ra tiếng nhạc.
 Nghe tiếng hát ò ra như tiếng thác
 Lên vô cùng tràn ngập ánh châu sa
 Xa-luân-hoa vạn thuở vẫn không già
 Cánh xoay khắp kin mười phương thế giới.
 Một tiếng khóc một tiếng cười đã đời
 Mưa đêm ngày kiếp kiếp rưng rưng lệ
 Hằng hà châu mắt đẹp đã không về
 Nay lại thấy, thấy hà sa mắt mắt.
 Vô lượng kiếp đã bao hải tiêu diệt
 Hốt nhìn ra lại thấy giọt về đây
 Hốt nhìn ra thành quách vạn lần đòi
 Hốt lại sống vạn tình thương nỗi nhớ.
 Trăm sông đi đã đi về biển Cả
 Vạn oan linh đã kiếm được chân-thân
 Không có đi có lại giữa mê trần
 Đùng mãi mãi giữa mê tân, Bồ - Tát.
 Cánh bèo
 Trời giọt
 Kết một
 Đài sen
 Dây oan triền triền
 Cờ oan mà gỡ
 Trăm linh dang dở
 Vạn nhớ ngàn thương
 Vào một niềm thương
 Đại - Dương Bồ Tát.
 Thành tiếng hát
 Tiếng than xưa
 Gió song hồ
 Du du tiếng sáo.

Chùa Nhạn - Sơn

QUÁCH-TẤN

Đến địa-hạt tỉnh Bình-Định, khi bước xuống ga Vân-sơn, nếu quý bạn trông thẳng về hướng Tây, thì thấy một tòa cổ-tự ẩn hiện trong rừng xoài trái xanh dưới chân hòn thổ-sơn màu gạch chín.

Đó là chùa Nhạn-Sơn.

Hòn thổ-sơn đó là hòn Long-Cốt ba ngọn, tiền-án của thành Đồn-Bàn ngày xưa.

Trước chùa có cánh đồng mênh-mông bị đường hỏa-xa chia làm hai nửa. Đồng ấy xưa kia là một ao sen rộng hơn 50 mẫu, hình trăng lưỡi-liềm, tên gọi là Ao Tân-Nguyệt. Nay tuy đã thành đồng, song đến mùa nước lụt ngập bờ, đứng trên hòn Long-Cốt nhìn ra vẫn còn thấy phảng-phất hình mặt trăng đêm mờ năm mờ sáu.

Chùa Nhạn-Sơn rất có danh trong tỉnh và cả ngoài tỉnh. Có danh không phải vì kiến-trúc của ngôi chùa hoặc vì phong-cảnh, mà chính vì trong chùa có hai tượng đá to lớn mà người đời đã bịa ra một sự-tích nghe cũng có lý-thú.

Rằng:

Đời nhà Trần có hai người kết bạn thân với nhau tên là Lý-xuân-Điền và Huỳnh-Tấn-Công. Hai người đều giỏi văn, tinh võ. Nhưng Lý-Xuân-Điền đi thi mãi không đậu, sau nhờ quan Tề-tướng là bác ruột Huỳnh-Tấn-Công tiến-cử được làm tướng đem quân đi đánh giặc Ngô, Còn Huỳnh-Tấn-Công thì thi đậu Trạng-nguyên cả văn lẫn võ và được cầm binh đi đánh Chế-Bồng-Nga.

Huỳnh-Tấn-Công thua trận bị vua Chiêm-Thành bắt làm tù-binh, rồi đem bán cho Lào.

Khi Huỳnh làm tù-binh ở Chiêm có cứu mạng một ông quan Chàm, nên ông quan này nhớ ơn xuất tiền ra chuộc đem về nuôi.

Trong thời - kỳ Huỳnh-Tấn-Công còn ở Chiêm thì Lý - Xuân-Điền đã thôi quan về trí-sĩ. Nghe tin bạn mắc nạn, họ Lý liền thu-góp tiền-của tìm đường sang Chiêm-Thành chuộc bạn. Trải bao nhiêu gian-nan, sau bao nhiêu ngày tháng, Lý-Xuân-Điền mới tìm được nơi-chốn của Huỳnh-Tấn-Công.

Gặp nhau, nỗi buồn vui mừng tủi chỉ nói ra bằng nước mắt. Đoạn họ Lý trình rõ mục-đích mình cũng viên quan Chàm. Viên quan Chàm phần đã chịu ơn cứu-mạng của họ Huỳnh, phần cảm phục tấm lòng vị nghĩa của họ Lý, bèn bằng lòng để cho Huỳnh-Tấn-Công về Việt-Nam và không nhận tiền chuộc.

Huỳnh-Tấn-Công và Lý-Xuân-Điền về được ít lâu thì viên quan Chiêm-Thành tưởng nhớ, sai thợ tạc tượng hai ông để làm kỷ-niệm.

Hai tượng trong chùa Nhạn-Sơn là tượng của Huỳnh-Tấn-Công và Lý-Xuân-Điền vậy.

Do chuyện họ Huỳnh họ Lý mà nhiều người gọi chùa Nhạn-Sơn là Song-Nghĩa-tự.

Lại có người thêu-dệt câu chuyện thành 1 pho tiểu-thuyết (xuất bản vào khoảng 1920 - 1925) và cụ Bùi-Văn-Lãng dựa theo pho tiểu-thuyết ấy viết bài « Song-Nghĩa-tự », trong tập « Địa-dư móng-học tỉnh Bình-Định » (xuất bản năm 1935). Từ ấy sự-tích họ Lý họ Huỳnh được phổ-biến rộng-rãi và hai tượng đá trở thành người có gốc-rễ hân-hoi.

Nhưng người đặt chuyện đã sơ ý mà người nghe chuyện cũng ít ai để ý đến chỗ sơ-hở, nên lắm người tin là chuyện thật, có lẽ đến 80 phần 100 Người trong chùa hiện nay vẫn dùng

sự-tích trên đề giải-thích sự hiện-diện của hai tượng đá, và cũng cho là sự thật!

Đề xem coi có thật là sự thật chẳng, chúng ta thử lật các bộ Việt-Sử đọc lại thật kỹ: Chúng ta sẽ mất công toi. Vì đời nhà Trần không có ông Trọng nguyên nào và không có ông tướng nào tên là Huỳnh-Tấn-Công và Lý-Xuân-Điền cả.

Người đã không có thì chuyện có thể nào được mà tin?

Vậy hai tượng đá là tượng ông gì?

Người ta gọi là tượng Ông Thiện, Ông Ác. Song rồi không biết ông nào thiện, ông nào ác, vì ông nào mặt mũi cũng dữ dằn, nên gọi một cách bình-dân là hai Ông Đá.

Hai Ông Đá là hai pho tượng Chiêm-Thành bằng đá xanh, cao trên hai thước hai tây và lớn đến một ôm rưỡi. Đó là tượng hai người đàn ông Chàm đương mùa, gối sụn móng giờ ra với chiếc khố rằn-rực.

Theo lời các ông già bà cả ở trong xứ, thì hai pho tượng ấy từ dưới đất trời lên đã có trên hai ba trăm năm nay. Tượng cứ mỗi ngày trời lên một ít, khi lên khỏi mặt đất thời đứng yên. Người trong xứ rất lấy làm quái gỡ. Có kẻ tọc mạch đến rờ-rẫm quấy-quá, liền bị nhức đầu nóng lạnh, van vái lại khỏi. Nhân - dân địa - phương sợ bèn lập đền thờ, ban đầu lợp tranh xây đất, sau sửa lại bằng ngói gạch.

Nói rằng hai pho tượng ở dưới đất trời lên là gián tiếp bảo rằng không biết ai tạc nên và tạc nên từ đời nào, chứ sự thật thì:

Trước kia trên hòn Long-Cốt có ba ngọn tháp Chàm cao lớn (cho nên núi có tên nữa là Tam-Tháp-sơn) và chung quanh tháp có nhiều thần tượng bằng đá xanh. Vì Long-Cốt-sơn là nơi hiểm yếu đối với thành Đồ-Bàn, cho nên giặc đến đánh thành thì chiếm cứ nơi ấy trước.

Từ khi vua Chiêm-Thành dời đô vào Đồ-Bàn thì giặc-giã có liên tiếp. Vì thế những kiến trúc trên núi bị sụp đổ hết. Những tượng đá lớp thì bể nát, lớp thì bị ngã và bị vùi lấp. Hai tượng đá kia hoặc ở trên núi bị ngã lẳng xuống chân

núi, hoặc ở nơi chân núi bị ngã vùi xuống đất, sau người Việt-Nam ta đến cư trú, cày đất làm ruộng mới tìm thấy mà đào lên.

Khi mới tìm thấy thì hai pho tượng đã bị gãy mất hai bàn tay. Người địa-phương bèn làm tay gỗ chắp vào, có lẽ trước kia là những bàn tay sè ra (vì tượng tạc hình người đương mùa), nhưng người mình hoặc không thạo điệu múa của người Chăm, hoặc muốn cho tượng thêm phần oai-nghi, mới làm ra tay cầm vũ-khí: 1 ông cầm kiếm, 1 ông cầm dăng, giơ cao. Chắp tay xong lại lấy sơn, sơn 1 ông đen 1 ông đỏ, vẽ khố xanh đỏ theo kiểu khố người Thượng-du, và kết thêm râu vào, vẽ mày vẽ mặt trông như hai ông trổng hát-bội trên sân khấu.

Đó là hình-dạng hai ông đá lúc mới lập chùa, theo lời các phụ-lão trí-thức nói lại. Sau này người ta lại choàng cho hai ông hai chiếc áo đại bào bằng hàng, lớp này cũ rách thì thay lớp khác. Hiện nay hai ông Đá vẫn mặc áo đại-bào nghiêm chỉnh.

Vì chùa lập lên để thờ hai ông Đá, nên trước đây gọi là Thạch-Công-tự, tục gọi là Chùa Ông-Đá.

Một nhà túc-nho tên Phạm Thủ-Chiết, tục gọi là thầy Tám-Ngai ở thôn An-Thái, quận An-Nhon (mới mất trên 30 năm nay) đến viếng chùa, có bài thơ rằng:

**Ông Đá chùa này cũ mần danh,
Ngày nay mới tỏ mặt hal anh.
Tượng đồng so sánh thua Ông-Trọng,
Hình đá khen ai khéo đẽo thành.**

**Hỏi người trong chùa sự tích nọ :
Họ gì tên gì ? đâu tới đó ?
Trong chùa không ai biết mảy-may,
Triều Nam tự-điền cũng không có !**

**Bá-Dì Thúc-Tề có phải chăng ?
Chẳng lẽ ăn rau mộp đến chùng..!**

Lưu-Thần Nguyễn-Triệu cũng không trúng,
Tướng xấu tiên đầu có lẽ ưng.

Nếu bảo Kim-Lân cùng Linh-Tá
Rủ nhau đi phá giang-sơn tạ.
Hình to dưỡng ấy ắt tài cao,
Sao tiêu-giang-sơn không sớm rã ?

Hay là Thái-Bá với Trọng-Ung
Trốn lủ Kinh-Man đến đó cùng ?
Nghĩ lại hai ông con cháu thánh
Có đâu bộ-tịch tợ thẳng hung !

Thiện, Ác xưa nay lời nói chạ
Rằng gây họa phước cho thiên hạ !
Ấy người vu-hoặc gọi thần tiên,
Đó thiệt ông Đá là Ông Đá. (1)

Trước kia chùa chỉ thờ hai ông Đá, sau này mới thờ Phật (2) và hai ông Đá trở thành hai ông « giờ gương trọn mắt » đứng trước bàn thờ. Những du khách đến viếng chùa, hỏi là hai tượng thần gì, người trong chùa liền đem sự-tích hai ông họ Lý họ Huỳnh ra kể !

Từ ngày chùa thờ ông Đá đổi làm chùa thờ Phật, thì tên cũng đổi là Nhạn-Sơn Tự.

Gọi là Nhạn-Sơn là vì chùa ở địa-phận thôn Nhạn-Tháp và dưới chân hòn Long-Cốt-Sơn.

Tuy tên chùa đã đổi từ lâu, nhưng khách phương xa đến Bình-Định nếu hỏi thăm chùa Nhạn-Sơn thì trừ người Phật-tử ra ít ai biết mà chỉ. Ở Bình-Định đại đa số chỉ biết chùa ông Đá, và phần đông du khách tìm đến chùa cũng vì hai ông Đá mà thôi.

Như vậy cảnh chùa Nhạn-Sơn không giúp ích cho việc hoằng pháp.

Một cảnh chùa lập ra, theo tôi tưởng, không phải chỉ để thờ Phật, để cho các nhà tu-hành trú ẩn, mà chính để cho

lòng người mộ đạo có nơi nương, chính đề qui tụ lòng thập-phương về Chánh-pháp.

Tượng Phật tượng-trung cho Chánh-pháp.

Và người xưa tạc ra tượng Phật với những nét từ-bi, cốt đề cho người đời chiêm-ngưỡng mà cải thiện cõi lòng.

Thế mà đại đa số nghĩ đến chùa Nhạn-Sơn không phải vì Phật mà vì hai ông Đả và những người vào lạy Phật không dám ngược lên nhìn về từ-bi vì đôi mắt bị về mặt hung-tợn, nhất là cặp mắt trừng trừng và tay kiếm giờ cao của hai ông Đả làm khủng khiếp. Phần đông người vào chùa — trong đó có tôi — đều có cảm-giác rờn-rợn khi nhìn hai ông Đả đứng trong bầu không-khí trang-nghiêm, trong mùi hương bóng khói và dưới ánh đèn sáp nửa tỏ nửa mờ.

Nghĩ đến chùa không phải vì Phật, vào chùa lạy Phật lại sợ ông « trợn mắt giờ gươm » như thế chẳng những không có lợi cho cho nhân-tâm mà lại còn có hại, không nhiều thời ít, cho chánh pháp nếu ngẫm nghĩ cho sâu.

Cho nên tôi kính cần đề nghị :

— Hoặc dời hai Ông Đả ra nơi khác : trước chùa hay sau chùa.

— Hoặc thỉnh tượng Phật thờ nơi khác : trả chùa lại cho hai Ông Đả như ngày xưa.

Trong những cảnh chùa hiện giờ không còn thấy tượng Quan-Công và các thần-tượng khác, thì lẽ gì chùa Nhạn-Sơn lại còn tượng hai Ông Đả đứng « chươg-ướng » trước bàn thờ Đức Đại-Từ Đại-Bi như vậy.

Vì vậy ngửa mong quý ngài trong Giáo-hội Tăng-giá Việt-Nam xét kỹ lời đề nghị của một người mộ đạo.

(1) Có người bảo rằng bài này của cụ cử Huỳnh bá-Văn.

(2) Hôm đến thăm chùa rúi gặp lúc thầy trú-tri đi vắng nên không hỏi được năm tháng thỉnh Phật vào thờ tại chùa này.

Thư gửi bạn * * * * *

NGUYỄN THÁI

Lucinges tháng 9-1960

BẠN,

Năm ngoái, năm kia chúng ta đã có nghe đến các vụ phá đám trong kỳ lễ Phật-dân ở miền Trung. Không ngờ năm nay sự đó vẫn còn tái diễn một cách đáng tiếc nữa!

Lòng thương rộng lớn, Như người mẹ chẳng bao giờ oán giận đứa con hoang. Như người mẹ chúng ta có chút lo phiền suy nghĩ.

Cũng bởi vì chính sự đó gọi cho chúng ít nhiều về các sự ác, sự dữ trong đời, các cuộc tranh chấp bạo động chỉ vì thú tính còn cuồng loạn trong tâm hồn vốn yên tĩnh, hồn nhiên.

Trước muôn cái tới tấp, ồ ạt của bạo động vũ phu, thái độ của chúng ta sẽ phải như thế nào đây? Bạn sẽ cười nụ cười đại-độ chỉ những tọng kinh điển kia, bạn sẽ cười và dang rộng tay ra như muốn tả tẩm lòng ôm ấp yêu đời. Chúng ta nhớ câu truyện xưa, khi Phật hỏi:

— Này đệ-tử, nơi truyền giáo mà con sẽ đến, dân cư dữ như hùm beo!

— Bạch Như-lai, dân cư dữ như hùm beo song họ vẫn còn hiền vì không động chạm đến con.

— Này đệ-tử, họ sẽ chửi bới con.

— Bạch Như-lai, họ còn hiền hậu bởi chỉ chửi bới mà không hề giết chóc

— Này đệ-tử, họ sẽ lấy gậy và khí-giới đánh đập con.

— Bạch Như-lai, họ vẫn còn hiền hậu vì chưa có ý giết chết con.

— Nay đệ-tử, họ sẽ đánh đập rồi giết chết con.

— Bạch Như-lai, họ đã muốn giải thoát cho con ra khỏi tám thân ô trược này.

— Nay đệ-tử, con hãy đi đến nơi đó mà truyền pháp.

Đơn sơ mà biểu tỏ, đó mới là sự chứng thực của Pháp-bảo giữa cõi đời đầy biến loạn. Không phải người Phật-tử muốn mau mau tàn phá thân thể mình để giải thoát như sự nghĩ tầm thường và đơn giản. Họ biết hiển thân mình bằng tấm lòng hiền hậu bao la nặng đầy thương mến, thân xác vùi tan nhưng giống hạt chân như vẫn mãi mãi đạt truyền. Như hơi đêm tụ chuỗi ngọc sương trên đầu những lá. Như hoa tàn trầy nụ mầm nối tiếp. Như tiếng ca dài lạnh lạnh, âm thanh biệt nhưng đậu thơm lòng những kẻ đón nghe.

Tình yêu rộng lớn của chúng ta đối chọi với những đe dọa, khắc khe, thực là một cử chỉ rất anh hùng và đại lượng. Đó mới là tính chất bất-bạo-dộng trước cường bạo thú tính. Một vài khi người ta cười những hành động của kẻ bất-bạo-dộng vì tưởng rằng hành động này là một thụ động khá tiêu cực và sơ hãi.

Xin thưa rằng: không! Bất-bạo-dộng là một tính chất anh dũng của người đại trí. Với một quả dấm, trả lại một quả dấm: hành động này có tính chất mau lẹ, giải quyết trong hiện tại nhưng bất lực ở tương lai, đó là hành động đến tự bản năng thú vật, chưa hề biết tôn trọng giá trị con người. Với một quả dấm, không trả lại bằng quả dấm: hành động của kẻ không nhắc suy nghĩ, biết phân tách cái bản năng thú vật của mình, biết trọng giá trị con người, biết cái chân lý đồng nhất nằm trong mọi sinh vật thể hiện trước mắt mình.

Mỗi lần nhắc đến bất-bạo-dộng, kể theo phong trào này lấy ví dụ đã thành công tốt đẹp của thánh Gandhi trong cuộc tranh đấu dành độc lập cho Ấn-độ. Và kẻ không tin, cho Gandhi là một trường hợp ngoại lệ rồi họ nêu hỏi:

Giả như đồng minh không chống đối bằng vũ lực với Hitler thì thế giới sẽ đi đến đâu?

Người ta quên rằng đồng-minh thắng Hitler bằng vũ lực nhưng đồng-minh không thắng được kẻ thù chính của nhân loại: Niềm hận thù và sự chia rẽ trong nhân tâm. Mà thực ra sau khi thắng trận, đồng-minh không còn là đồng-minh nữa!

Người ta cũng quên rằng phương pháp bắt-bạo-động không phải là thứ thuốc trường sinh cho kẻ già trăm tuổi, cho người bệnh khi tim đã dừng đập. Phương pháp bắt-bạo-động là những lời chỉ dẫn về thể dục, ăn uống, điều tiết để giữ gìn sức khỏe hầu có một đời sống không bệnh hoạn. Chính là sự phải giáo dục tình thương trong quần chúng, nâng họ lên cao trong đạo-đức hầu có thể tự chế ngự lấy dục vọng tham hận. sân si nơi bản ngã mình.

Trước cuộc biến động của Hitler, không ai hề nghĩ đến tập cho quần chúng biết thế nào là sự chống đối bắt bạo-động, thế nào là tình thương. Các tình thương rao dạy vào thời bấy giờ thực là giáo điều và kiểu cách, thực là một mớ danh từ rỗng, không ý thức. Làm sao tình thương có một ý-nghĩa khi còn bao nhiêu là chênh lệch về giàu nghèo trong xã-hội? Làm sao tình thương có một ý-nghĩa khi rao dạy cho con người sự cách ngăn giữa giống dân này với dân nọ, giữa đạo giáo này với đạo giáo kia?

Như thế thì làm sao có thể chống cự được với sự bạo động có tổ chức và giết người của nhóm người Quốc-xã cuồng trí?

So vậy thì các cuộc hăm dọa bằng vũ lực sẽ đến trong tương lai chẳng khác chi cái dấu bước thăm thê mà chúng ta đã chứng kiến.

Chúng ta không hề chịu giáo dục quần chúng trong phương pháp nhân đạo mà chỉ lo chạy đua trong sự rèn súng đúc đạn, chỉnh quân, tàn sát. Rồi một mai đây, kết quả vẫn là cái kết quả đã không biết bao lần được tuyên bố trong lịch sử. Kể

thắng sẽ kiêu ngạo biết mình có sức mạnh, nhưng họ thắng địch trên bình diện vũ trang song có giết chết được niềm thù hận trong lòng kẻ thất trận không? Mỗi một cuộc chiến-thắng bằng vũ trang là một lần ươm hạt mầm thù hận. Vòng lẩn quẩn cứ mãi hoài quay trong chiều tròn cổ đĩnh

Nhưng làm thế nào để giáo dục quần chúng, thẩm thấu phương pháp bất-bạo-động? Một phương pháp khó gặp nghìn lần hơn sự bạo-động, nhưng nhân đạo và cao cả hơn vạn lần vũ lực kia.

Chúng ta thường chỉ đề cập và khen lao đến thành tích bất-bạo-động, song chẳng bao giờ chịu tìm xem sắc thái của nó hay tìm cách thực hiện dần dần. Hiền nhân xưa đã nói đến lẽ đó mà mãi hằng chục thế kỷ sau mới có một hình ảnh Gandhi móm đầu. Và sau đó có kẻ ca tụng, có kẻ bấu môi nghi ngờ. Ca tụng hay nghi ngờ đều chưa phải lúc. Điều chính là thực hành và tìm kiếm.

Làm thế nào thực hiện được lẽ đó trong một xã hội đầy dẫy bạo động? Trẻ nít sinh ra đã thấy, nghe và sống trong khuôn khổ đó, mai sau như nụ mướp bị uốn éo thay vì thẳng ngọn. Cha mẹ dạy con bằng hình phạt, đánh đập: bạo động! Hàng xóm chưởi bới nhau vì một vài câu chuyện vườn tược, gà chó: bạo động! Ở học đường thầy giáo cũng dùng hình phạt đánh trẻ, bạn bè ăn hiếp nhau: bạo động! Xã hội có nhà tù và phòng tra khảo, có sự tranh chấp quyền lợi, miếng ăn: bạo động! Đạo giáo có sự răn dạy giáo điều, khắc khe, chê xấu các đạo khác: bạo động! Tất cả thầy dẫu, lớn nhỏ, xa gần đều thể hiện dưới hình thức bạo động, lẩn áp, thúc dáp nhau. Làm sao có thể nói đến một phong trào bất-bạo-động khi chưa chịu chữa tận gốc cái nguồn ngành tham hận, giận dữ kia? Đó là tất cả một vấn đề cần suy ngẫm và tiến hành.

Cũng cần nhấn mạnh rằng bất bạo-động không phải là sự hèn nhát, thụ động, ngồi trơ xem kẻ cường bạo lướt qua. Bất-bạo-động chỉ là một phương pháp tiến đến sự đồng

nhất của con người, nó là phương tiện chứ không phải cứu cánh. Không thể nào thực hành lẽ đó khi chưa thể yêu mến kẻ đồng loại, khi chưa biết được sự đồng nhất của cuộc sống khi chưa phá đổ lẫn ranh giữa mình với tha nhân dưới bất cứ hình thức nào. Bất-bạo-động là cái hoa mà rễ cây chính là từ-bi trí-dũng.

Đừng hòng lợi dụng bất-bạo-động làm lợi khi cho một tư tưởng bất chính nào và cũng đừng hòng dùng bất-bạo-động để che đậy một sức lực hèn yếu ích kỷ.

Thánh Gandhi đã nói: « Ở đâu có sự lựa chọn giữa hèn nhát và bạo động, tôi khuyên hãy nên bạo động ». Xem thế thì bất-bạo-động không thể thực hiện bởi kẻ vũ phu, bởi: « Tôi rèn luyện sự can đảm để chết một cách yên lặng nhưng không chịu giết một ai cả. Nếu không có sự can đảm này, tôi sẽ tập luyện nghệ thuật giết người và để cho bị giết hơn là chạy trốn sự hiểm nguy một cách đốn mạt. Bởi kẻ nào chạy trốn phạm tội bạo động trong tinh thần: họ trốn bởi họ không có can đảm chết trong khi đi giết người » (đăng trong Young India ngày 20 11 1921) Ông cũng viết: « Sức mạnh không ở trong các phương tiện thể chất mà chính ở trong nghị-lực bất khuất phục... Bất-bạo-động không phải là sự luồn cúi dưới kẻ bất nhân, Bất-bạo-động chống đối với bạo quyền bằng sức mạnh của tâm linh. Một người độc nhất cũng có thể phá đổ một đế quốc. » hay « Một cá tính dù tàn bạo đến đâu cũng sẽ tan biến trong ngọn lửa của tình thương. Nếu cá tính đó không tan biến, ấy là vì ngọn lửa chưa đủ sức nóng. »

Thế nên kẻ theo phong trào bất-bạo-động luôn luôn thuyên định để cho lòng thương của mình không còn là sự quán quýt lấy thân mình hay quyến thuộc mà chính phải phủ trùm hết cả nhân thế. Họ phải luôn luôn biểu tỏ cho những kẻ thất trí biết rằng họ không hèn nhát, họ có một sức mạnh để chà đạp kẻ thất trí kia song họ dùng sức mạnh ấy để giải thoát họ ra khỏi bản ngã nhỏ nhen đầy thú tính, để biết yêu thương hết mọi loài kẻ cả kẻ đang chia giáo vào họ.

Hành động phá đám của những kẻ cuồng loạn kia cũng như hành động của những tổ chức bạo động thú vật trong đời cần được chúng ta trả lời minh bạch. Không phải là sự trả lời vô lực mà chính là sự trả lời của kẻ đạo đức.

Có người trong chúng ta sẽ thắc mắc: Vì sao thấy rõ sự đồng nhất của con người, vì sao thấy rõ Phật tánh ở trong mọi loài, ngay cả kẻ dữ, mà chúng ta không quý rập rờn cho các kẻ dữ đó bước ngang đầu? Thề như kẻ điên kia đang xông, xáo đến hại ta, ta biết nhận trong kẻ điên ấy một Phật tánh quý báu như ta, tuy nhiên ta phải trút khí giới của nó đi phải chống đối với nó hay lẩn tránh. Bởi vì biết cái Phật tánh của kẻ điên cuồng bị che mờ bởi trí loạn. Sự biết đó nhờ nghe ở Phật tánh đã được tỏ rõ hơn của chính chúng ta hay của kẻ kờ cạnh báo cho ta biết sự dữ. Như thế chính chúng ta không tiêu diệt cái thề tánh chân thật kia mà, chỉ ngăn ngừa, phá bỏ cuồng loạn thú tính mà thôi.

Như thế thì chúng ta sẽ làm gì cho hợp với lòng từ-bi trước những kẻ cuồng loạn phá rối cuộc sống bình an? Hãy nghe câu chuyện của một vị đại-giác kờ:

«Một ngày nọ có vị thánh nhân đi qua một cánh đồng lú trẻ chẵn bờ ngăn lại: «Xin ngài chớ đi qua, trên đồng có con rắn độc thường hay cắn chết trâu bò!» Tuy nhiên vị thánh nhân vẫn điềm tĩnh vượt qua. Và quả nhiều vị thánh nhân gặp phải con rắn độc hiện ra, giương thẳng đầu lên, mồm há to muốn cắn. Nhưng với cặp mắt nhìn đầy dụ hiển mà nghiêm nghị, đôi mắt như phá vỡ được mọi nỗi niềm hiểm độc, con rắn rũ thân nằm bẹp xuống. Ông nói: Hỡi rắn, ta nói cho người nghe thế nào là chân thiện, thế nào là đạo pháp; đừng bao giờ cắn một sinh vật nào khác, tinh thần người sẽ được giải thoát. Rồi ông đi. Từ đó con rắn trở nên chân thiện, ngày ngày không hại một ai. Lú trẻ thấy vậy đến gần lúc đầu còn đá dè chừng, sau ăn quen nằm duỗi rắn quật vào mặt đất nghịch chơi. Cho đến hôm rắn cắn chết, nằm li hằng giờ mới lại tỉnh về hang. Từ đó chỉ đi kiếm ăn lúc đêm khuya. Ngày một vàng vó, tiều tụy.

Rồi một hôm, vị thánh nhân trở về, ngang qua cánh đồng không hề nghe lũ trẻ than thở rần độc. Ông tưởng như công tu luyện của rần đã thành chánh quả. Tìm mãi bốn bề không gặp. Gọi mãi thì thấy rần lừ đừ bò ra khỏi hang sâu. Vị thánh nhân hỏi: Hỡi rần, hãy nói cho ta nghe công quả tu luyện của con?

— Lạy thầy, nhờ thầy truyền pháp con nay đã đến gần chân thiện, không còn cần hại ai.

— Hỡi rần vì sao hình thể con tiêu tụy đến thế?

— Lạy thầy, nhờ thầy truyền pháp, con đã yên lặng chịu đựng sự tình nghịch của lũ mục đồng mà không hề cần trả.

— Hỡi rần, thực không có chi đại đột cho bằng nằm yên lặng để cho kẻ khác hành hạ thân xác con. Không hề cần hại ai, nhưng phải biết dọa rống lên để làm sợ những kẻ nào muốn giết con. Phải tự-vệ trước sự dữ nhưng không lấy sự dữ trả lời một sự dữ. Không lấy hận thù mà trả hận thù.

Đó là tất cả ý nghĩa của phương-pháp bất-bạo-động.

Phải làm sao cho tổ-chức của chúng ta thấm nhuần ý nghĩa từ-bi trong trí dũng hầu ứng phó với thế-cuộc tráo trở và hèn mạt. Phải làm sao cho hết mọi tầng lớp được ý thức. Muốn thế cần phải có sự hợp lòng chung sức của các vị thức giả.

Xin các tầng lớp trí-thức Phật-giáo hãy chú tâm đến điều đó. Hợp sức và nghiên-cứu đến tận cùng các phương pháp giáo dục quần chúng Tạo một hoàn cảnh thuần từ-bi cho con trẻ, cho thiếu niên và cho chính những kẻ đồng trang lứa với mình.

Những gì cò hủ, những gì làm sầm tối trí minh-mẫn của chúng ta, phải nhất thiết gạt bỏ. Đem lại cho xã-hội một nền

nhân-bản mới lấy tự lời truyền Pháp của Như-lai. Như chén nước cam tươi vắt tự trái cam vàng dâng người Sa-mặc. Như giọt sữa thơm tự đôi bầu da người mẹ rỏ vào môi bé trẻ một sức sống đầy dạt.

Lúc này hơn lúc nào cả! Thành phần trí-thức Phật giáo phải chung vai góp sức tìm cho thấu triệt vạn pháp, rồi ứng trợ vào đời trong mọi hoạt động cứu trợ hòa-bình. Không thể nằm yên hay e dè được nữa. Bởi thời gian còn rất ít, hăm dọa bên ngoài, hăm dọa bên trong. Chỉ có sự trả lời nhất trí là có thể giữ vững lấy sống còn.

Giáo dục từ-bi thấm nhuần trí dững cho xã-hội. Nhất thiết không để cho các lý luận ma quái, hồ đồ hay đơn giản làm phiêu bạt. Nếu mai đây, những người dân chất phác kia vì mang ứ đầy công phần bất thành lời nguyện rửa, bất thành lối xử sự chân tay, thì đó là lỗi của chúng ta phải gánh. Lỗi của những người chỉ biết thuyết giáo mà không biết hành động, không biết ngăn ngừa.

Bạo lực có do bởi vô-minh. Vô-minh là vì ta không biết. Vô-minh có làm cho ta sợ hãi. Sợ hãi càng tăng, bạo lực kia càng lớn. Bạo lực kia càng lớn, ta càng chóng quy lụy, tiêu mòn. Hãy nhìn các bạo lực của thế gian bằng con mắt của sự biết — đó là chân-như —. Và khi ta nhìn với sự biết thì sợ hãi không còn phát hiện nữa. Sợ hãi không xuất hiện thì bạo lực kia không đàn áp ta được. Bạo lực kia không đàn áp được, thì co rúm lại và bại hoại ở hư vô. Từ đó ta biết nghĩa của chiến thắng: nghĩa của giác-ngộ, nghĩa của chân-như.

Mỗi hành động của chúng ta phải là một hiến dâng. Mỗi hành động của chúng ta phải là một phục vụ. Mỗi hành động là một sự xây dựng mới đưa con người vào toàn vẹn.

Người Phật-tử là kẻ đã trưởng thành trong hiện hữu bằng

cách dẫn nghiệp-lực sát nhập với chân-như đồng lúc biến tạo xã hội quanh mình thành an-lạc.

Bạn hãy tin rằng những lời tôi nói ra đây là những lời tâm huyết, những lời chứng thực cho những cõi lòng hiện đang khát khao sự sống chân thiện nhưng vẫn bị sự bạo ngược, tàn phá của cõi đời bóp cổ. Không phải là những lời khuyên trống rỗng đạo đức. Chỉ là đôi lời ẩn ức của nghìn triệu linh hồn chết oan uổng dưới mọi hình thức man rợ gây ra chính bởi con người ưa bạo-động.

Tin cho thể và xin đừng bủi môi cười mũi.

Tin cho thể và xin đừng để mặc lơ là niềm thức dậy của chân thiện đang với gọi ở tâm can.

Tin cho thể và trả lời trong hành động, gọi tên lên để gần gọi thêm gần, để cùng nhau biết mặt, để đường dài thôi khỏi bước cô đơn...

Hộp-Thư:

Trả lời chung những độc giả gửi thư về hỏi:

1) *Thầy Huyền-Không thầy Nhất-Hạnh và Đạo-hữu Vô Đỉnh Cường cho biết là không hề tham gia vào tờ báo Hướng-Dương.*

2) *Nhà in Liên-Hoa ở Huế do sư bà Thích nữ Diệu-Không đứng ra chủ trương. Theo lời sư bà thì nhà in Liên-Hoa nhận in tất cả kinh sách báo chí ở đời và đạo. Lợi tức ấy sẽ xuất bản những kinh sách giá-trị trong Phật-giáo do những người có khả năng phiên dịch và trước tác nhưng không đủ phương tiện để in, và giúp đỡ vật chất cho một số tín-nữ xuất-gia thiếu thốn, nhất là trong lúc đau yếu.*

Liên-Hoa nguyệt-san mà quý vị xem đây là cơ quan hoàn pháp của Giáo-hội Tăng già toàn quốc, về việc Quản-trị cũng như tài-chánh không liên hệ gì đến nhà in Liên-Hoa hoặc một vài cơ quan xuất bản khác. Hiện nay Liên-hoa Nguyệt-san in tại nhà in Liên-Hoa chỉ là một khách hàng quen thuộc vậy.

L. H. N. S.

KHÔNG khi lớp học trở nên nặng nề. Học sinh nhìn dồn vào trò Hương đang đứng trên bảng. Ba lần rồi, Hương bị kêu đọc bài liên tiếp và cũng đã ba lần đều không thuộc bài. Trong số điểm, ở cột toán Hương bị ba con số không đồ tròn to.

Cô giáo Trâm dẫn mạnh từng tiếng, lặp lại câu hỏi mà mấy lần rồi, trò Hương đã trả lời không xuôi :

— Định lý về góc, trong tam giác cân ?

— Trong một tam giác cân, hai... hai cạnh bằng nhau...

Một tiếng đập bàn thật mạnh :

— Không phải. Hai cạnh bằng nhau, đó thuộc về định nghĩa. Trò hãy đọc định lý về góc, tôi nhắc lại, định lý về góc.

Hương choáng váng, trò không nghe gì cả. Ấp úng, giọng run run, trò nói :

— Tam giác cân là một tam giác có hai góc kề đáy bằng nhau... thì... thì tam

**KHÔNG PHẢI
LỖI TẠI EM**

Chuyện ngắn DƯƠNG-TRƯỜNG-GIANG

giác cân ấy.

Cô giáo Trâm nén giận. Năm lấy viết đó, định ghi số không vào số điểm và đuổi cô

học trò khác học bài về chỗ ngay, nhưng Trâm lại đặt bút xuống và quay lại phía trò Hương :

— Trò có ý gần đúng, nhưng trò diễn đạt không chính xác. Trò thử viết câu trả lời lên bảng, thử xem câu ấy có đúng văn phạm không ?

Trò Hương năm lấy viên phấn, run run viết hết câu định lý có cái đuôi lỏng thòng : Trong một tam giác cân... thì tam giác ấy cân. Hí hoáy mãi mà trò Hương không sao sửa được.

Dưới lớp vài nữ sinh lộ vẻ chán nản, xì xào và giơ tay xin sửa. Trâm không còn kiên nhẫn nữa, nâng bảo cô học sinh về chỗ. Hương lùi thúi đi xuống. Trâm nhìn theo, mãi đến khi cô học trò ngồi vào chỗ hẳn hoi. Bao nhiêu ý xấu đồ dồn lên đầu cô học trò. Sao nó bận áo xông tới tàn đến thế. Sao đôi mắt nó thiếu thông minh, đần độn, u mê đến thế. Và nhất là quyền vờ của nó. Trời ơi, quyền vờ ! Quyền vờ đó

đang còn trên bàn đây. Trâm nắm đưa lên cho học sinh xem. Quyền vờ cuốn đôi, mồn cả một đoạn giữa lưng bìa. Trông về giận giữ của cô giáo. Cả lớp chờ đợi.

Trâm-tuyên bố :

— Tôi phạt chị hai tội: Một là chị không thuộc bài, chị không biết nói một câu bằng tiếng Việt cho đúng, hai là chị giữ vở sách không cẩn thận. Ngoài con số không về toán của tôi, chị sẽ bị con số không về hiệu đoàn nữa.

Cô nữ sinh ngẩn cả người. Cô bé nhìn lên bảng, không buồn, không nhăn nhó. Không biết cô bé đã nghĩ những gì. Lớp học đang nín thở vì hình phạt nặng nề khác thường của cô giáo. Mà sao hôm nay, bao nhiêu chuyện dồn dập, mấy trò trước trò Hương cũng không thuộc bài bao nhiêu, lại nữa, cô kêu trúng trò Hương lần thứ tư, và lần này trò Hương vẫn bị xoay bí đề lãnh hình phạt gấp đôi.

Trâm chán nản lạ. Bao nhiêu cảnh tượng sinh hoạt vui tươi của Gia đình P.T. hiện ra trước mắt Trâm. Sao các em nàng phụ trách lại ngoan ngoan đến thế ? Những lời dặn dò của nàng, các em đều ghi nhớ chu đáo và đã thực hành đến đầu đến đuôi. Phải chi học sinh lớp này cũng như các em thiếu nữ trong đoàn của nàng! Nếu mà chúng cũng chăm chỉ, cũng dễ bảo, chúng sẽ hiểu lời nàng, hiểu bài vở đến thế nào ?

Im lặng như thế đã mấy phút rồi... Mấy cô học sinh nghịch ngợm nhất cũng thét nết, ngồi ngay ngắn. Trâm nhìn xuống thật nhanh khắp lớp Trâm bắt gặp cái nhìn vô cảm giác của cô bé vừa bị phạt, cái nhìn không buồn, không nhăn nhó ban nãy. Nhưng bây giờ, Trâm không cho là đần độn, là thiếu thông minh nữa, mà lạ thật, hình như Trâm đã bắt gặp nó đâu một lần rồi, một dịp nào trong cuộc sống gia-đình...

Mà kia, học trò sắp lộn xộn. Trâm đứng dậy, xếp sô lại. Không dò bài nữa! Hãy bắt đầu bài mới.

Bài giảng hôm nay không hứng thú nữa. Người ta đã bóp chết sự thích thú rồi. Và lại, trong suốt giờ giảng, cái nhìn không buồn, không nhăn nhó, của trò Hương, luôn luôn hiện ra trước mắt Trâm. Gần đến cuối giờ, Trâm mới sực nhớ ra. Phải rồi, ba năm trước đây, Trâm đã khiển trách một em trong Đoàn, em Huy, về một lỗi khá nặng, ngay giữa cuộc họp. Và em Huy đã nhìn chị Trâm với cái nhìn tương tự như thế, không buồn, không nhăn nhó. Về sau, nhờ một dịp tình cờ, Trâm

mới biết ra là Huy bị la oan. Thế thì lần này, trò Hương có oan không? Hương không thuộc bài rõ ràng kia rồi, Hương còn oan ức vào đâu, còn tránh trút đi chỗ nào được!

Nhưng dù sao. Trâm thấy mình cũng đã nóng giận. Sân hận là tội lỗi! Khi học sinh vừa vẽ xong hình trên bảng, Trâm bảo cả lớp bỏ viết xuống. Đợi cho học sinh chăm chú, yên lặng, Trâm gọi trò Hương đứng dậy. Hương đứng lên mặt nhìn xuống. Trò sẵn lòng cam chịu tất cả những lời la mắng của cô giáo một lần nữa. Nhưng chờ mãi vẫn chưa nghe cô lên tiếng. Hương nghe có tiếng chân cô đi đến bàn giáo-sư, tiếng lật từng trang sô. Cô nữ sinh nhìn lên, bỗng gặp Trâm nhìn xuống. Trâm bảo:

— Trò Hương, trò không thuộc bài mấy lần rồi. Trò đáng phạt. Nhưng hình phạt đã nhiều lần không làm trò thay đổi. Hôm nay, tôi không muốn phạt trò bằng số không nữa. Tôi bỏ cả hai số không cho trò đây. Và tôi yêu cầu một điều là trò đừng làm phiền tôi lần nữa. Trò biết là tôi đã buồn phiền lắm và tôi chắc chắn là trò đã làm đau khổ cha mẹ trò khá nhiều... Trò nghĩ sao?

Cả lớp chăm chú nhìn trò Hương. Thoáng qua trên gương mặt lạnh lùng ấy, có một sự thay đổi nhanh chóng. Hương mếu máo, gơ tay xin nói. Nhưng Hương ngồi xuống ngay. Cô bé gục mặt xuống bàn, và người ta nghe có tiếng khóc nức lên...



Chiều hôm ấy về nhà, Trâm không vui vẻ như ngày thường. Cái nhìn đăm đăm, không buồn, không nhăn nhó của cô học trò nhiều lần không thuộc bài, tại sao lại giống cái nhìn của thiếu Huy ngày trước. Hay là Hương cũng có điều gì oan ức như Huy? Không thể được! Đi học một trường tư, tốn tiền cha mẹ thì phải chăm chỉ, phải thuộc bài. Hay là em ấy nghèo?... ừ! hay là em ấy nghèo? Cũng có thể lắm, vì thường ngày cô bé này chỉ mặc toàn đồ cũ nát. Nhưng mà dù sao, cũng không thể viện nghèo để nhác học được. Biết bao nhiêu người nghèo lại không thành công đó sao? Ngay trong trường, trò Dung trò An, đứng nhất nhì lại không phải nghèo sao?...

Trời đã tối. Ngoài đường có tiếng guốc của mấy bà bán hàng ở chợ về. Tiếng chị Sâm bên hàng xóm gọi thằng Cu về ăn cơm. Trâm ngồi

ngã người trên chiếc ghế vải hàng giờ rồi. Rất nhiều giả thiết được đặt ra trong trí, nhưng Trâm chưa giải thích cái được nhìn của trò Hương ban chiều. Trâm muốn dừng nghĩ đến chuyện ấy nữa nên vào phòng soạn bài. Trâm đã ngồi vào bàn, lật từng trang sách và dừng lại ở bài Hình học vừa dạy. Mấy câu định lý, đảo đề về tam giác cân gần nhau quá có thể làm lộn chằng! Hay là tại Trâm không giảng rõ, không phân biệt rõ định lý và đảo đề. Rồi Trâm nhớ lại lời giảng của mình tại lớp hôm trước, những chỗ nặng gạch dưới cho học sinh thấy, những tiếng nặng nhắc đi nhắc lại. Nàng lắng nghe âm thầm lời mình qua ký ức, như một học sinh đang nghe lời giáo sư, để xem thử, đặt mình trong địa vị học trò, nàng có thể làm được không?

Nàng tự bào chữa là không phải lỗi tại mình nhưng bình tĩnh một lát, nàng tự bào :

Mà học sinh đâu có trình độ như mình. Trình độ chúng non nớt chúng có thể hiểu được lời mình nói, những điều chúng học chẳng? Ta cần nắm trình độ ấy. ừ! nhưng mà tại sao đối với các em trong Gia đình, ta thương mến mà đối với học sinh ta lại không thương mến chúng. Tại sao những lần họp Đoàn, ta vui vẻ, ta tươi cười với các em thì vào lớp ta lại đóng vai trò khắc khổ, nghiêm nghị? Ta có thể lấy phương pháp, lấy tư cách một đoàn trưởng để đi thẳng vào lớp học như ta đã đi thẳng vào trong gia đình hay không?

Nghĩ đến đây, Trâm thấy thư thái. Hương về ngày mai, nàng giờ đến bài học tiếp theo, và chăm chú soạn bài..

Có tiếng má Trâm gọi ở phòng ngoài. Trâm vội chạy ra. Má Trâm nói :

— Con ăn chè hột sen nhé! Chiều nay má thấy con hình như hơi mệt nên má kêu chè vào con ăn đấy.

Trâm nhìn ra phía cửa. Trước thềm, một cây đèn lồng nhỏ chiếu sáng một xách chè. Vài chiếc son sáng trắng, lồng vào chiếc gióng ngán, phía trên cái trệt nhỏ có úp năm ba cái chén và muỗng. Sau xách chè một bà lão đang ngồi loay hoay lau mấy cái chén. Một bà lão bán chè. Ánh đèn lờ mờ làm những vết nhăn trên mặt bà càng đậm nét, tăng thêm vẻ già nua mà năm tháng đã chõng chất trên tấm thân bà. Cùng đi với bà có một con bé nữa. Con bé ngồi bệt trên tam cấp trước hiên nhà, mặt nhìn ra ngoài đường. Hình như phận sự của nó là đi theo đề xách đèn

và giống chè cho bà.

— Múc cho hai chén hột sen nhé! Má Trâm nói với ra phía cửa như thế, rồi quay lại phía Trâm;

— Con ăn chè hột sen hay đậu xanh?

— Thưa má, con cũng thích chè hột sen như má.

Ngoài hiên, bà lão đỡ lấy chiếc son trên, bưng ra một bên... Son chè hột sen ở phía dưới. Có tiếng muỗng chạm long cong vào thành son. Bà lão múc chè đã xong, sắp lên chiếc trệt và bảo con bé:

— Con bưng vào cho bà và cô xoi.

Con bé xoay lưng lại nhưng rồi vẫn cứ ngồi như cũ, mặt nhìn ra ngoài đường. Bà lão lại giục lại lần nữa. Bây giờ thì con bé đã đứng dậy. Nó bưng trệt chè đi vào, đầu cúi xuống. Nó tiến vào cửa được mấy bước thì Trâm đứng dậy, đi đến đỡ lấy trệt chè. Con bé bỗng nhìn lên và bắt gặp cái nhìn của Trâm. Thẹn thùng, nó cúi ngay mặt xuống, miệng lẩm bầm:

— Thưa cô ạ!

Trâm nhìn kỹ con bé, kinh ngạc. Nàng luôn miệng kêu lên:

— Ô! Em Hương.

Phải! con bé bưng trệt chè vào chính là trò Hương, trò nữ sinh vừa bị cô giáo Trâm phạt khi chiều về tội không thuộc bài. Cái điều Trâm dự đoán khi chiều là nhà Hương nghèo quả đã đúng trăm phần. Trâm nhìn em Hương đang nép mình vào một bên cửa. Tự nhiên Trâm thấy hối hận về sự nóng giận của mình ban chiều trong giờ toán. Trâm thấy thương em nữ sinh của mình. Má Trâm và bà lão ngồi ngoài kia đang ngờ ngác về sự việc vừa xảy ra thì Trâm quay lại phía má mình. Trâm bảo:

— Thưa má, đây là một nữ sinh lớp con.

Bà lão ngoài cửa trở mắt nhìn về phía Trâm, trong lúc Trâm vẫy tay gọi Hương đến gần bên mình:

— Đó là bà em phải không?

— Dạ !

— Thế đêm nào em cũng đi như thế này ?

Hương cúi đầu nín lặng. Bà lão bấy giờ ngồi xích gần khuôn cửa bà nói :

— Con bé này là cháu nội tôi. Trước đây mẹ cháu đi bán chè đêm nhưng cách ba tháng trước mẹ cháu mất. Tội nghiệp con bé. Nó là lớn nhưng nó còn dại lắm. Ban ngày nó lại phải đi học. Nhiều lần, nó muốn xin nghỉ học để buồn bán nuôi em, nhưng tôi không muốn thế. Cho nên, từ đó tôi phải đi bán thay mẹ nó. Thấy tôi già yếu nên nó không chịu để tôi đi một mình, ban đêm.

Bà lão ngừng lại, đôi mắt sâu, khô cạn của bà như thấm ướt. Bà nhấp nháy vài cái rồi lại nhìn xuống ngọn đèn dầu vàng vọt.

— Nó xách đèn và gióng chè cho tôi. Tôi không muốn thế, sợ nó không có thì giờ để học bài, nhưng nó nhất định đi với tôi cho kỳ được.

Lời nói của bà lão đập mạnh vào tim Trâm. Trâm cảm thấy thương cho tình cảnh cô học-trò mà ngày thường Trâm rất thành kính, cho là nhóc nhóm, là dẫn độn. Thì ra Hương biết thương bà, thương em. Hương có những tình cảm đáng kính. Hương không thuộc được bài, là vì Hương không có thì giờ để học. Lỗi đâu phải tại em !

Từ này giờ, chén chè hột sen trên tay Trâm vẫn còn nguyên. Má Trâm giục con :

— Con ăn chè đi !

Bà lão cũng tiếp :

— Mời cô xơi cho.

Trâm rán ăn hết chén chè. Chè nấu ngon, vừa đường, hạt sen bùi nở xèo, nhưng Trâm thấy hình như có cái gì nghẹn ở cổ.

Hương đã bung tẹt chè ra, rửa sạch hai chén và úp lên trên tẹt. Bà lão xoay chiếc gióng để đưa cái tẹt vào. Bỗng Trâm chăm chú vào chiếc gióng rách. Có một cái gì kẹp ở giữa hai tao gióng ! Một quyền vớ ! Bà

lão thấy Trâm nhìn chăm chăm, nên rút lấy quyển vở đưa cho Trâm, và nói,

— Cháu nó cũng đem vở đi theo đây. Đến chỗ nào khách ăn lâu, nó lấy ra nhìn qua vài lát. Nhưng không mấy khi nó xem được lâu, vì tôi còn phải đi nơi khác. Và tôi, mãi tới khuya, mới về.

Trâm đón lấy quyển vở và giở ra xem. Đó là quyển... quyển vở Hình học. Trâm bắt gặp những dòng chữ : * Không thuộc bài *, phê bằng mực đỏ, sáng rực trên trang giấy...

Bà lão bán chè và Hương đã ra khỏi cổng nhà. Trâm nhìn theo hai bà cháu cho mãi đến khi ánh đèn thấp thoáng qua hàng cây, xa dần, mãi đến khi tiếng xóc xách của gióng chè và tiếng guốc lẹp kẹp của bà lão nhỏ dần và tắt hẳn.

Vào phòng, ngồi trước bàn, Trâm hình dung lại những cử chỉ nóng giận của mình khi trừng phạt cô nữ sinh mà Trâm cho là nhác nhảm. Trước đây, Trâm cho hành động của mình là đúng đắn, nhưng giờ đây, Trâm tự thấy mình thô bạo và tàn ác. Học sinh sơ suất một tí là cắn vụn, nóng giận, đề đưa chúng càng sâu vào chỗ bí, mất cả tinh thần. Không, không nên làm như thế. Không nên coi chúng là đối địch với mình. Phải đứng về phía chúng, thông cảm với trình độ chúng, với cảnh ngộ chúng, Rồi Trâm tưởng tượng đến một chương trình làm việc : Một hiệp hội nâng đỡ học sinh nghèo một cách thực tế về vật chất lẫn tinh thần do những giáo sư những kẻ có thiện chí với trẻ ; Trâm sẽ tổ chức học sinh mình làm từng nhóm, Trâm sẽ hướng dẫn cho chúng học tập thể ngoài giờ. Trâm sẽ chú ý đặc biệt đến những học sinh kém như Hương, nghèo thiếu như Hương. Trâm sẽ bày vẽ riêng cho chúng trở lại từ những bài dễ, đảo tạo lại căn bản cho chúng, giúp cho chúng những gì chúng cần thiết. Rồi đây Trâm sẽ bận việc hơn, nhưng can-chi các học sinh của Trâm sẽ không còn giữ vẻ mặt khắc khổ trong những giờ học, Trâm sẽ thấy chúng lộ vẻ ham thích, thế là Trâm hân hoan rồi.

Phải ! Giáo dục không thể nào có kết quả nếu không có sự tận tụy của người phụ trách, không có sự thông cảm giữa thầy trò, và thiếu tình thương.

Câu kết luận mà Trâm tự suy trên đây nghe như đá vụn lên đầu đây, trong hương hoa Đạo-lý, trong mạch sống của con người đã lớn lên dưới ánh sáng của giáo pháp Từ bi.

Sự quan trọng của nền **GIÁO DỤC PHẬT-GIÁO**

R.A. Gard

PHẬT-GIÁO đã được Phật-tử xem là một lối sống sung-mãn cho tất cả mọi người và mọi xã-hội, bởi vì phát-sinh bằng kinh nghiệm từ những vấn đề căn bản về kiếp sống lệ thuộc những điều kiện, phân tách bản tánh thay đổi và những yếu tố nguyên nhân của kiếp sống đó, và nhờ trí tuệ tối thượng của con người biểu lộ một cách phổ quát nơi lòng từ-bi, đưa con người đến chỗ giải thoát hoàn toàn và tuyệt đối.

Với niềm tin tưởng và sự thực hành như thế, Phật-giáo đã là một sức mạnh thúc đẩy và khai-hoá, một phương tiện văn-hóa, ổn định của những nước Á-châu trong quá khứ.

Ngày nay, tại nhiều nước Phật-tử đang cố gắng tìm hiểu những lẽ lối tương đối là mới mẻ, hợp thời, khoa học của đời sống hiện đại và do đó trong sự hướng dẫn của Phật-giáo, ứng đáp một cách sáng suốt những nhu cầu cá-nhân và xã-hội đã tăng thêm.

Để hoàn thành nhiệm vụ đó, Tăng-già và cư sĩ lãnh đạo, theo cách cổ truyền phải học hỏi Giáo-lý, nhưng Giáo-lý ngày nay phải bao gồm sự hiểu biết hiện đại và kinh-nghiệm của những Phật-tử xem như là những con người đã giác-ngộ trong thế-giới luôn luôn biến đổi. Nơi đây tức là sự quan trọng đặc biệt của nền giáo dục Phật-giáo đối với việc lãnh đạo xã-hội hiện nay và đối với những quan niệm mới mẻ về vai trò tương lai của Phật-giáo ở Á-châu và ở thế-giới nói chung.

Bảo tồn tinh-thần

Sau đây, khi đề cập đến những mục-dịch căn-bản, vấn-đề đề-mục, và những phương-pháp của nền giáo-dục Phật-giáo, chúng ta nên chú ý là sự học-hỏi cổ truyền luôn luôn được xét về tính cách đương thời và được áp dụng vào nền giáo-dục gọi là hiện-dại, đứng như là hiện tại luôn luôn nảy-nở từ quá khứ. Như thế tinh thần của Giáo-lý đạo Phật được bảo tồn liên tục trong khi học hỏi.

Cái mục đích đầu tiên của nền giáo-dục Phật-giáo cũng là cái mục đích sau cùng của Giáo-lý: làm cho tất cả chúng sinh có thể giác-ngộ và do đó đạt đến Niết-bàn, — một một mục đích giáo-dục liên quan đến cá-nhân, Tăng-đoàn và xã-hội như là một toàn-thể.

Sự giải-thoát hoàn-toàn

Cũng như mọi sự giáo dục nhằm sự phát triển tinh thần và sự thành-thực nhân-tính, thì Phật-giáo tự nó chuẩn bị cho tất cả chúng sinh được hoàn toàn giải-thoát khỏi kiếp sống. Có thể xem mục đích đầu tiên của nền giáo-dục Phật-giáo là vừa cổ truyền vừa tân-chính, vì nó được nêu ra do tinh thần phổ-cập của sự học hỏi Phật-giáo.

Mục đích thứ hai của nền giáo-dục Phật-giáo là hiểu biết, trình bày Giáo-lý và nêu gương về Giáo-lý. Hiểu biết Giáo-lý có nghĩa là nghiên cứu Giáo-lý một cách rõ ráo bằng một sự học hỏi thích đáng, dưới sự hướng dẫn của các vị giáo-sư tài năng. Trình bày Giáo-lý có nghĩa là chia phần Giáo-lý với những người khác và như thế tức là hòa hợp sự giảng-dạy với sự học hỏi, chung cùng trong nền giáo-dục Phật-giáo của mình. Nêu gương về Giáo-lý có nghĩa là tự mình tiêu biểu những chân-lý và áp dụng sự hiểu biết Giáo-lý vào đời sống trong sự giao thiệp với kẻ khác.

Nói tóm lại, mục đích thứ hai này của nền giáo-dục Phật-giáo là vừa cổ-truyền vừa tân-chính bởi vì được thực hiện qua những kinh-nghiệm dồn dập.

Mục-dịch thứ ba của nền giáo-dục Phật-giáo là bảo vệ và hướng dẫn Tăng-già. Là những người thừa hưởng và dạy dỗ Giáo-lý, Tăng-già có thể được duy-trì tốt đẹp và bảo tồn nguyên vẹn nhờ nền giáo-dục Phật-giáo, bởi vì chư tăng gặp gỡ nhau trong những buổi hội họp đồng đủ và thường xuyên và thi hành nhiệm-vụ của họ trong sự thỏa thuận và hợp tác cùng nhau, họ phải được huấn luyện một cách thích đáng.

Tăng - Già lãnh - đạo ngày nay cũng như trong quá khứ phải được huấn luyện và đủ tư cách, nếu không, Tăng-già không tồn tại tốt đẹp được. Đồng thời giới cư-sĩ lãnh đạo cũng phải được huấn luyện chắc chắn để có thể sáng suốt ủng hộ Tăng-già và áp dụng Giáo-lý vào những vấn-đề thế-tục của đời sống xã-hội.

Mục đích thứ ba này của giáo-dục Phật-giáo là vừa cổ truyền vừa tân chính vì nó nối liền những vai trò quá-khứ, hiện-tại, tương-lai của Tăng-già và hợp nhất Tăng-già và Cư-sĩ, trong một mục đích chung.

Mục đích thứ tư của giáo-dục Phật-giáo biểu lộ tính cách phổ-cập của những mục đích đầu tiên về Giáo-lý, Tăng-già : giúp đỡ sự tiến bộ của tất cả các xã-hội và phát triển sự giải-thoát hoàn-toàn nhờ ở trí-huệ và thương và lòng từ-bi phổ cập của con người.

Mục đích này đã được thực hiện theo cổ-truyền trong mỹ-thuật và văn-hóa Phật-giáo, trong công tác xã-hội và giáo-dục công-cộng, trong sự hướng-dẫn đạo-đức và khích-lệ tinh thần cho nên đã tạo ra được một sức mạnh khai hóa, hoạt động và một phương tiện văn-hóa, ổn kiện cho rất nhiều nước ở Á-Đông trong thời đã qua. Những quan điểm ngày nay về mục đích xã-hội của giáo-dục có thể giúp ta thể-định vai trò hiện đại của Phật-giáo trên thế giới.

Vấn-đề đề tài căn-bản

Cố nhiên trong giáo-dục một khi đã ý thức xác đáng, đã nhận định hiểu rõ và nắm hoàn thành những mục đích thì vấn-đề đề-tài hay là những mục học hỏi phải thích hợp với những mục đích đó. Vì vậy trước đây, khi xét đến những mục đích đầu tiên về Giáo-ly, Tăng-già và xã-hội của nền giáo-dục Phật-giáo, chúng ta đã thấy ngay vấn-đề đề tài thích ứng để nghiên cứu và dạy dỗ : đó là Giáo-ly và sự hiểu biết xã-hội loài người và hoàn cảnh xã-hội.

Sự học-hỏi cổ truyền về Giáo-ly thường thường gồm có việc xem và tụng một phần hay là tất cả Kinh, Luật, Luận, trong một hay nhiều thứ chữ và sinh ngữ như Diên - điện, Cao - mên, Lão, Tích-lan, hay Thái, và sau nữa sự trình bày Giáo-ly trong những bài khái-luận hay bài giảng được xem như là những bài luận-thuyết.

Trường hợp và thực hành tương tự như thế cũng được áp dụng vào sự nghiên-cứu Giáo-ly trong tiếng Bắc-phạn, Tây-tạng, Trung-hoa, Nhật-bản và những thứ tiếng khác. Sự nghiên-cứu hiện-dại về Giáo-ly bao gồm sự học hỏi cổ truyền như thế và được phát - triển trong những ý nghĩa và giá-trị hiện thời.

Sự thật thì sự nghiên cứu hiện đại của các học-giả Tây-phương và Á - đông về những bản - văn và giáo - lý đã góp phần bảo tồn sự hiểu biết và trình bày Giáo - lý để thực hiện mục đích về Giáo - lý trong giáo - dục Phật-giáo. Vì rằng sự uyên bác Phật-giáo chân chính là luôn luôn đương thời về tinh thần và thực hành, nên cái uyên bác đó phải căn cứ trên tất cả những phương - pháp tìm tòi hữu ích và mọi tiện nghi sẵn có mà không kể đến thời gian hay tính cách hiện-dại.

Xã-hội loài người.

Sự hiểu biết về xã-hội con người và hoàn-cảnh xã-hội đã là luôn luôn một phần chính-yếu trong sự học-hỏi Phật-giáo. Nếu xét rằng học thuyết và kinh nghiệm Phật-giáo khởi đầu từ chỗ phân-tách kiếp sống con người phụ thuộc những yếu tố tâm-lý, hoàn cảnh vật-chất và tương-quan xã-hội — những điều kiện tương-thuộc thường được diễn đạt là *khô, vô thường vô ngã* — thì sự hiểu biết tất cả mọi sự vật có liên quan đến sự hiểu biết, Phật-giáo về đời sống.

Về phương diện này, những học hỏi không phải Phật-giáo cố nhiên là không thuộc về học thuyết Phật-giáo tuy nhiên không có xung đột quan trọng giữa sự học hỏi Phật-giáo với những loại hiểu biết khác trong nền giáo-dục Phật-giáo. Về mặt lịch-sử, giáo-ly đề cập rất nhiều đến những tình trạng và vấn-đề xã hội và những nhu cầu về sự hướng-dẫn Phật-giáo, mà đã hay là đang đồng thời với thời gian giảng dạy hay sưu tập kinh - văn.

Ngay Đức Phật chính Ngài cũng đã ý niệm đến các hoàn cảnh vật chất và xã-hội ấy và thường giảng dạy giáo lý Ngài có liên quan đến chúng. Thật thế,

những đặc tính chân lý của *khô*, *vô thường* và *vô ngã* được áp dụng cho tình trạng tồn tại của cá nhân cũng như của xã hội; những quan niệm về *nhân duyên* và *nhân quả* có thể hiểu biết và giải thích đầy đủ hơn khi mà sự biết về hoàn cảnh như thế có sẵn trong kinh nghiệm bản thân, và sự thực hành Bát-Chánh-Đạo, Lục-độ Ba-la-mật hay Thập-Thiện-nghiệp bao quát sự xử sự tập-thể và hợp-tác của con người, đưa đến đời sống tốt đẹp cho cả cá-nhân và xã-hội.

Sự hiểu biết đáng tin cậy

Sự hiểu biết đáng tin cậy là những kinh-nghiệm dồn dập lại cho kinh-nghiệm cá nhân và đoàn thể, ích cho xã-hội và như thế tức là kết-quả của những thực-hành cổ-truyền mà vẫn là luôn luôn đương thời về phương diện ý nghĩa.

Trong quá khứ cũng như trong hiện tại, sự uyên-thâm Phật-giáo có thể đem lại tài liệu và khả năng cho sự nghiên-cứu ngôn ngữ, những quan niệm tương đối mới mẻ về biến chuyển lịch sử và xã-hội, thái độ hòa hoãn đối với những hoạt-dộng và giá-trị kinh-tế, những mục đích và tiện nghi giáo-dục, những lý tưởng nhân-bản về luật lệ và công-bình, những quan-điểm xây-dựng về biệt tánh và sự điều-hành quyền-năng chính-trị, sự trau dồi nhân-cách đầy đủ, những mục đích công dân và những công-tác xã-hội, những tư tưởng và thực-hành triết-học, những nghiên-cứu văn hóa và sự biểu-lộ thẩm-mỹ, một lối sống cho thời đại khoa-học mới và những thư-viện, bảo-tàng-viện nhằm duy trì và nâng cao tư-tưởng và cơ sở của con người.

Nói tóm lại vấn-đề đề-tài căn-bản của nền giáo-dục Phật-giáo phải bao-quát tất cả những học hỏi cần thiết cho sự thực hiện những mục-đích đầu tiên về Giáo-ly, Tăng-già, và xã-hội giáo-dục Phật-giáo.

Mục đích chung

Sự tiến triển của sự học hỏi và giảng dạy trong nền giáo-dục Phật-giáo cổ nhiên đòi hỏi một số phương-pháp căn bản hợp với mục-đích và đề-tài. Nơi đây cũng như nơi khác, học hỏi và dạy dỗ, uyên bác và học thức liên hệ nhau và được thực hiện nương nhau. Giáo-dục Phật-giáo nối liền nhau người thụ-giáo và nhà giáo-dục trong mục đích và kinh-nghiệm chung.

Những phương pháp học hỏi thường lệ của Phật-giáo gồm có sự nghe giảng, sự phân tích xét-đoán và sự suy luận, những bài thuyết trình viết và nói, sự tìm tòi và thảo luận, ghi nhớ và thực-hành điều học hỏi. Những phương pháp như thế vẫn còn dùng trong nền giáo dục hiện đại dù rằng những sai-biệt có thể đáng đề ý trong sự khuyếch-đại và lối phát-triển.

Thực hành căn bản trong giáo-dục cổ truyền Phật-giáo không khác gì hơn là phương pháp học hỏi được biểu lộ trong Tứ-diệu-đế: một là quan sát và sưu tầm những chủ-đề liên quan đến đời sống bị ràng buộc (khô-đế); hai, phân tách và giải-thích những nguyên nhân như-thể (tập-đế), ba, quy-định lý-thuyết có áp dụng cho mọi trường hợp, hoặc tuyên bố kết quả đã tìm ra (diệt-đế); bốn, thực-hành lý-thuyết, hay là chứng-nghiệm lý-thuyết bằng cách áp dụng vào đời sống (đạo-đế).

Một phương-pháp như thế trong lối học hỏi cổ truyền của Phật giáo vẫn tồn tại với những phương pháp nghiên-cứu thông thường của các khoa-học xã-hội và vật lý.

Những phương-pháp theo tập-quán

Những phương-pháp dạy dỗ theo tập quán của Phật-giáo gồm có việc giảng cho người thụ-giáo, những bài thuyết-trình viết hay bình-luận, thảo-luận và hướng dẫn nghiên-cứu, và nêu cương bản thân về điều đang dạy dỗ. Lối sư-phạm như thế vẫn còn ưu thế trong sự giáo-huấn ngày nay, ngay cả trong những trường học không Phật giáo,

Do đó những phương-pháp căn bản của nền giáo-dục Phật-giáo là vừa cổ-truyền vừa kim thời, được chứng minh trong sự thực-hành đã quy định và linh-hoạt nhờ sự thông-dụng và những kỹ-thuật hiện đại. Những tiện nghi và những biện pháp hiệu-quả cho sự học hỏi và dạy dỗ của Phật-giáo là luôn luôn thích-dáng và đáng kỳ-vọng dù sao nữa, sự mới mẻ trong vấn-đề giáo-dục chỉ là tương đối với hoàn cảnh xã-hội đặc-biệt trong thời gian,

Mối tương-quan giữa học vấn Phật-giáo và không Phật-giáo trong các đề-tài là một phương pháp học-hỏi và dạy dỗ thiết-yếu trong giáo-dục Phật-giáo, và đáng được đặc biệt xét nơi đây. Như đã nói trước kia, tất cả những đề tài hay ngành hiểu biết xét ra hữu ích cho sự nghiên-cứu Giáo-ly, xã-hội và hoàn-cảnh xã-hội, đều cung cấp những tài-liệu thích ứng cho sự nghiên-cứu Phật-giáo.

Tuy nhiên vấn đề thường được nêu ra là làm sao biết rằng những nghiên-cứu gọi là không Phật-giáo có thể liên-quan đến những nghiên-cứu Phật-giáo, nghĩa là làm sao những phương pháp của những nghiên cứu không Phật-giáo đó có thể giúp ích cho những nhu-cầu về sự yên-bác Phật-giáo và sao cho những đề-tài không Phật-giáo đó có thể cung cấp thêm tài liệu cho sự hiểu biết của Phật-giáo về mọi kiếp sống bị ràng buộc.

Vấn-đề tâm-chỉnh

Trong quá khứ, những mục-dịch căn bản và tinh thần tổng hợp của yên-thâm Phật-giáo thường đã hướng dẫn cho sự sử-dụng những

ngiên cứu khác nhau, những khả-năng hay là kỹ-thuật nhằm phát-triển sự học hỏi Phật-giáo, vì thế đã sinh tành chất bách-khoa của Giáo-lý và những bài giảng đôn dật về Giáo-lý.

Tuy nhiên hiện nay sự phức-tạp, việc thành-thị-hóa, và thế-tục-hóa càng tăng mãi của đời sống hiện-dại trên thế-giới mỗi ngày mỗi đòi hỏi thêm một sự hiểu biết đáng tin cậy như là một nền tảng cho sự hành động sáng-suốt và ngay cả đến những đề-tài không Phật-giáo cũng được dùng trong chương-trình Phật-giáo.

Những đề-tài như thế thường liên-quan đến đời sống hơn là đến Giáo-lý và nếu không liên-quan thích-dáng đến những mục-dịch căn-bản của học-vấn Phật-giáo thì có thể gây cho các trường trung-học và cao đẳng Phật-giáo một tình trạng chênh-lệch. Do đó, có một số Tăng-già lãnh-đạo ở Đông-Nam-Á đã lên tiếng chỉ-trích sự canh-tân giáo-dục Phật-giáo và chủ-trương nghiên-cứu Giáo-lý mà thôi.

Các vị đó sợ rằng học-vấn Phật-giáo sẽ nhường chỗ cho học-vấn thế-tục và Giáo-lý sẽ bị đem ra bàn cãi, xuyên tạc đề-rồi vì đó Tăng-già sẽ hóa ra thế-tục và suy-tàn. Quan-niệm đó, thường bị gọi lầm là «sự bảo-thủ cồ-truyền cực-doan», đáng đặc-biệt quan-tâm đúng đắn, vì lý-do đã được nêu ra một cách chân-thành.

Quan-niệm đối-lập, thường khi được đồng-hóa với «sự canh-tân cấp-tiến» không làm sáng tỏ tình-trạng hơn bằng cách nhấn-mạnh là giáo-dục Phật-giáo với bất-cứ giá-nào phải được canh-tân ngò-hầu có thể sống còn trong thế-giới hiện-dại. Thế-nên có thể phát-sinh một sự bất-đồng-ý-kiến về ý-tưởng giáo-dục thay vì một sự quy-định một triết-lý giáo-dục thích-hợp với những cơ-sở Phật-giáo.

Giải-pháp.

Nếu tình-trạng khó-khăn của giáo-dục Phật-giáo được phân-tách đúng-dắn, chúng-ta sẽ thấy rằng giải-quyết không-phải ủng-hộ những người «bảo-thủ cồ-truyền cực-doan» hay «canh-tân cấp-tiến» mà trở về chỗ nhìn-nhận chính-dáng những mục-dịch căn-bản, vấn-đề đề-tài và phương-pháp giáo-dục Phật-giáo.

Giả-như hai-phe nhận-thức rằng những mục-dịch đầu-tiên về Giáo-lý, Tăng-già và xã-hội của giáo-dục Phật-giáo cần-đến những đề-tài khác-nhau để-thực-hiện học-vấn Phật-giáo, tất-họ hiểu-rằng sự học-hỏi bao-quát những đề-tài như-thế tùy-thuộc những phương-pháp và tiện-nghi giáo-dục có-hiệu-quả, và họ-cũng-sẽ hiểu-rằng «cồ-truyền» và «canh-tân» chỉ-là những-giai-đoạn-tương-đối trong sự-tiến-triển của giáo-dục Phật-giáo. Có-như-thế, toàn-thể vấn-đề được-giải-quyết bằng-sự-phối-hợp-một-cách-thích-dáng những học-hỏi Phật-giáo và không Phật-giáo trong-chương-trình của các cơ-sở Phật-giáo, và có-lẽ-cũng-được-phụ-trợ-bằng-cách-dùng-những đề-tài-chọn-lọc của Phật-giáo cho-chương-trình của các cơ-sở không Phật-giáo.

Những ngành học tương-quan.

Hiện thời những ngành hiểu biết thường được nhận là tương quan gồm có ngôn-ngữ-học, sử-học, xã-hội-học, thần-thoại-học, tôn-giáo, triết-học, văn-hóa mỹ-thuật, vật-lý-hóa-học, thư-viện học, tàng-cổ học.

Sự tương-quan hay là sự sáp-nhập những môn học như thế vào trong học-vấn Phật-giáo ở các trường trung-học và cao-dẳng Phật-giáo có thể thực hành từng ước cho mỗi ngành hiểu biết, ví-dụ về ngôn-ngữ học chẳng hạn.

Trước tiên, xét về những phương diện ngôn ngữ của học-vấn Phật-giáo thứ nhì, hiểu biết về thư-tịch học, thứ ba, hiểu rõ định nghĩa và mục-dịch của khoa ngôn-ngữ học, thứ tư, xét lại những phương pháp của khoa ngôn-ngữ học và sau cùng thứ năm, quyết định dùng khoa ngôn-ngữ học trong học-vấn Phật-giáo, chẳng hạn, những phương pháp ngôn-ngữ học để nghiên cứu, giải-thích, phiên-dịch văn-học Phật-giáo, và những tài-liệu ngôn-ngữ học để đối chiếu học văn Phật-giáo với học-vấn không Phật-giáo.

Nếu thể-hiện những tương-quan đó giữa học văn Phật-giáo và không Phật-giáo thì có thể rằng chương trình của các trường cao-dẳng hay đại-học Phật-giáo sẽ trở nên phần học văn do triết-lý giáo-dục Phật-giáo tiến-hóa hướng dẫn và văn đề « Bảo-thủ cồ-truyền » và « cấp-tiến hiện-đại » sẽ không còn cản trở sự phát-triển của giáo-dục Phật-giáo trên thế-giới ngày nay.

Kết-luận.

Có thể tóm tắt những điều khảo sát trên kia như sau. Những mục-dịch căn bản đầu-tiên về Giáo-lý, Tăng-già và xã hội phải được ý-niệm đúng đắn và nêu ra rõ rệt, hiểu biết và thấu đạt do những người có liên hệ đến. Văn-đề đề-tài căn bản, — Giáo-lý và sự hiểu biết xã-hội và hoàn cảnh xã-hội con người — phải liên-quan đến những mục đích đó.

Những phương pháp học hỏi và dạy dỗ căn bản, — cồ-truyền và hiện-đại, — phải thích hợp với văn-đề đề-tài và có thể thực hiện được các mục đích. Và sự tương-quan giữa các môn học trong chương trình Phật-giáo phải cải tiến những phương-pháp đó, tạo ra một sự hiểu biết tốt đẹp hơn về văn đề đề-tài và làm cho dễ dàng sự thực hiện các mục đích.

Bằng cách đó, giáo-dục Phật-giáo ngày nay có thể dọn đường trong tương lai cho một lối sống tốt đẹp hơn cho cá-nhân, tăng-đoàn và xã hội.

QUỐC-ANH.

(Trích World Buddhism)

MỪNG GẶP BẠN XUẤT - GIA

THẾ cuộc đời đời tự bấy nay,
Bấy giờ mừng được gặp nhau đây.
Cửa Thiền người đã vui mùi Đạo,
Đức hạnh từ xưa biết có rày.



Có rày phát nguyện vốn từ lâu,
Được tuệ quang minh rõ nhiệm màu
Phủ quý vinh hoa là ảo ảnh,
Mở đường đi trước dắt người sau.



Người sau noi gót tỉnh mê làm,
Cảnh tục tôi nguyên giữ đạo tâm.
Nương bóng Bồ - Đề vui với trẻ,
Tháng ngày sách báo bạn tri - âm.



Tri - âm sách báo dưỡng tinh - thần.
Đâu bề trải qua đã mấy lần,
Giá trắng ngọc trong còn trọn vẹn,
Cơ màu phúc quả có đôi phần.



Đôi phần phúc quả rõ mười mười,
Gặp cảnh may đâu lại gặp người.
Mới biết duyên sanh vì thiện niệm,
Càng vui Đạo-lý thấy yêu đời.

QUẢNG - VẬN
N. T. Đ.

NHỮNG NGÃ ĐƯỜNG

của VÕ ĐÌNH CƯỜNG

CHUYỆN DÀI XÃ HỘI

(Tiếp theo)

X

HAI tháng đã trôi qua từ ngày tai nạn lớn đã xảy ra trong gia-đình Dung cuộc sống ở vùng đồi Mit trở lại với cái mực bình thường của nó.

Nhờ những lời khuyên giải khéo léo của sư Thiện-Ứng, Lục đã ngoan ngoãn để cho người ta chở vào bệnh-viện Nha-trang chữa cái chân gãy; và Dung đã trở về nhà đi dạy lại ở trường cũ. Cảnh gia-đình cô quạnh của nàng đã được lấp trống một phần nào nhờ đám học-sinh nhỏ, mỗi đêm, thay phiên nhau đến ngủ tại nhà nàng. Cuộc đời của Dung, nhìn bên ngoài, như có thể hàn gắn được. Nhưng bên trong, vết thương lòng cứ rỉ rả chảy máu, từng giọt, từng giọt.. Nàng vừa trông đợi vừa lo sợ cái ngày Thường, vị hôn phu của nàng đi buôn ở Huế về.

Thường đã theo xe «cồng-voa» vòng qua ngã Lào đem hàng hóa ra Huế bán. Nhưng con đường Đổng-hà — Lao-bảo bị nghẽn vì những trận đột kích liên-tiếp của Việt-Minh, nên xe chở hàng của Thường sau khi đến Huế, chưa trở về được. Thường phải lóng-dóng đợi hơn một tháng. Tính cả vòng đi, vòng về và thời gian chờ đợi tại Huế là hai tháng rưỡi. Chàng sốt ruột, không biết được tin tức gia-đình, và nhất là tin tức của Dung.

Cho nên hôm nay, sau khi về Nha-trang được nửa ngày,

công việc đầu tiên của Thường là về thăm Dung. Lúc ấy vào khoảng 4 giờ rưỡi chiều. Trên đường đi đến nhà Dung, Thường rảo bước mau dần. Càng gần đến nhà Dung, tìm Thường càng đáp nhanh hơn. Cặp nón Huế và gói « Mè xừng » hai món quà thì sẵn của chôn cổ-dó, mà chàng đem về để biếu cho Dung, mỗi lúc mỗi cần-cẩn thêm bên hông chàng, nhất là cặp nón cứ đánh lệch cách mãi vào về chàng. Thường hồi-hộp nghĩ đến phút gặp gỡ. Chàng sẽ mở đầu bằng câu gì đây cho thật có ý nghĩa, tinh tú. Và Dung sẽ trả lời thế nào với chàng? Dung có trông, có đợi, có giận dỗi vì sự vắng mặt lâu ngày của chàng chăng? Thường nghĩ đến những điều ấy, nhưng không lo ngại, trái lại Thường thấy sự vắng mặt ấy sẽ đúc-kết thêm tình yêu giữa hai người. Chàng dự định lần này sẽ bàn tính dứt khoát về lễ thành hôn với Dung, chứ không để cho Dung cứ thối-thát, thụt lùi mãi cái ngày sum họp.

Khi Thường đến cổng nhà Dung, thì nàng cũng đã về đến nhà trước độ 10 phút sau buổi dạy học chiều Dung vô cùng kinh hãi khi thấy bóng Thường bước vào sân. Nàng vội-vả lẫn trốn ra phía sau hè nhà. Thường vào nhà. Chàng cố nện mạnh gót giầy, đi qua đi lại, dấn hẳn, nhưng không thấy ai ra tiếp chàng cả. Chàng vào ngồi đợi ở bộ bàn giữa nhà, định ninh rằng Dung đi dạy chưa về. Chàng ngồi đợi như thế hơn 15 phút, và thấy sốt ruột. Chàng đứng dậy, đi quanh ra phía sau nhà, hy vọng sẽ gặp mẹ Dung, có lẽ đang làm vườn tưới cây ở đấy chăng. Nghe tiếng giầy của Thường đi ra, Dung hốt-hoảng ẩn mình sau một bụi chuối. Thường đưa mắt nhìn quanh hy vọng gặp mẹ Dung, và sung sướng reo lên khi nhận thấy tà áo của Dung nấp sau bụi chuối.

— Dung, Dung, anh về đây.

Thường ngạc nhiên không nghe thấy Dung đáp lại và cũng không chạy đến với chàng. Thường lo ngại đi đến gần bụi chuối. Dung bỗng cầm đầu vạt chạy ra phía hàng rào sau vườn. Thường ngạc nhiên chạy theo gọi lại:

— Dung! Dung! sao vậy? Anh xin lỗi em. Anh bị kẹt đường, hôm nay mới về được. Đừng giận anh! Dung vẫn cầm đầu chạy Đến sát hàng rào, nàng định phanh một lối để chạy-ra phía ngoài ruộng, nhưng cũng vừa lúc đó, Thường đã chạy đến kịp. Dung mệt lã, mặc dù chạy chưa đầy một trăm thước, nàng ngồi thụp xuống cỏ, nói giọng van xin khi thấy Thường dang tay định đỡ nàng:

— Em lay anh, đừng động vào mình em! Anh đi đi, anh đi đi. Thường vẫn tưởng Dung hôn giỗi vì sự vắng mặt lâu ngày của mình:

— Anh xin lỗi em. Đừng con nít như thế! Anh bị kẹt đường chứ có phải anh muốn ở lại Huế làm gì đâu? Anh nóng ruột hết sức, anh cứ mong sao cho mau về với em. Đi vào, đừng ngồi như thế, dơ hết cả áo quần. Dung khóc tức tưởi:

— Không, em không giận anh. Nhưng chúng ta không thể gần nhau được nữa rồi...

— Em nói gì lạ vậy? Anh định về hôm nay để bàn định việc thành hôn của chúng ta đây. Em đừng có nói như thế, anh không thích đâu.

Dung vẫn ngồi cúi đầu, tay bực từng lá cỏ. Nàng ngập ngừng rồi nói:

— Anh chưa biết việc gì đã xảy đến cho gia-đình em trong khi anh đi vắng sao? Không ai nói gì với anh sao?

Thường lo ngại, nhìn dăm dăm vào Dung, hỏi:

— Việc gì thế? Anh vừa về đến nhà trưa nay, anh có biết gì đâu!

Dung buông thõng một câu:

— Mẹ em mất rồi!

— Trời! Sao vậy?

— Vì bọn thân binh bắn chết.

— Mẹ làm gì mà chúng bắn?

Dung ấp úng :

— Mẹ... mẹ cần chúng không cho chúng bắt em đi?

Thường càng lúc càng thiếu bình tĩnh :

— Em làm gì mà chúng bắt em? Chúng bắt em làm gì?
Mẹ cần, nhưng rồi chúng có bắt được em không?

Trước những câu hỏi dồn dập ấy, Dung lúng túng không biết nên trả lời hay không, và trả lời thế nào?

Tuy từ nãy đến giờ, Dung không giám ngước mặt nhìn Thường, nhưng nghe qua động nói, Dung nhận thấy Thường bị kích động nhiều lắm và không còn giữ được bình tĩnh nữa.

Trước mặt Dung, chàng vừa là quan tòa, vừa là nguyên cáo. Còn Dung thì vừa là bị cáo, vừa là nạn nhân; Dung cảm thấy trong một lúc vừa nhục nhã, vừa uất hận. Nào phải nàng là người gây ra tội lỗi. Sao Thường không hiểu cho nàng, mà hỏi mãi? Mà trả lời làm sao đây? Làm sao nói hết được những điều cần phải nói? Dung óa lên khóc, khóc nức nở, khóc xối xả, khóc quẫn-quại, toàn thân như biến dần thành nước mắt và chảy qua hai lỗ mắt. Thường ngồi nhìn Dung khóc, đau xót vô cùng, và càng thêm bối rối, hốt hoảng. Chàng chắc một tai biến lớn lao vô cùng đã đổ ụp trên đầu Dung, và gia đình nàng, và chàng cũng đoán biết lẽ mờ tai biến ấy là gì, nhưng không giám nói ra, và cũng không giám hỏi thêm gì nữa. Hai người ngồi như thế, một người khóc và một người nhìn người kia khóc, và cả hai cùng khổ sở, cùng ngại ngùng, cùng lo sợ cho nhau. Bóng tối hoàng-hôn phủ xuống cảnh vật, phủ xuống tâm hồn họ, phủ xuống mãi mãi trong những ngày tương lai nữa.

Hồi lâu Thường đứng lên và giục :

— Thôi chúng ta đi vào, trời sắp tối rồi!

Dung vẫn ngồi yên chỗ cũ, nói, không nhìn Thường :

— Anh đi về đi! Cuộc hôn nhân của chúng ta đến đây là chấm dứt. Em không thể là vợ anh được nữa.

Thường kinh hải, ngồi xuống lại, nắm vai Dung lắc mạnh:

— Em đừng nói bậy! Dù chuyện gì đã xảy ra, anh cũng không thể xa em được. Anh đã có lỗi lắm gì đến nỗi em phải đối xử với anh như thế?

— Không, anh không có lỗi gì hết. Em cũng không có lỗi gì hết. Nếu bảo rằng có lỗi thì chúng ta chỉ có cái lỗi là sanh nhầm thời loạn lạc, thôi anh về đi!

— Em nói gì anh không hiểu. Anh không thể về được, khi anh chưa rõ tường tận nguyên nhân vì sao chúng ta phải xa nhau.

Dung ngược nhìn Thường, có vẻ van lơn:

— Anh đừng bắt em phải cắt nghĩa nhiều hơn nữa... Hay nếu anh nhất định muốn biết, thì hãy lên chùa Giác-Hạnh, hỏi sư Thiện-Ứng thì sẽ rõ. Và sau đó, anh hãy đi về thẳng đi, đừng trở lại đây nữa, thôi anh đi đi, trời tối rồi.

Thường đứng lên, nói:

— Anh đi đây, nhưng anh sẽ trở về đây lại. Em đợi anh nhé!

Dung không trả lời. Và Thường quay lưng đi ra.



Khi Thường bước vào sân chùa Giác-Hạnh, thì Sư Thiện-Ứng đang đứng ngắm cảnh giữa sân. Trời nhá nhem tối, Sư không nhận ra được ngay Thường và cũng không ngờ Thường đến vào giờ ấy. Thường đến gần chào:

— A-Di-Đà Phật!

— Mô Phật! Ai đấy?

— Dạ, con! Thường đây ạ!

— À, anh Thường! Anh ở Huế về từ lúc nào? Mấy hôm nay tôi có ý trông anh. Anh đã ghé nhà Dung chưa?

— Dạ thưa, vừa mới ghé trước khi lên đây.

— À!

Sư Thiện-Ứng dừng lại sau tiếng « À », và chăm chú quan sát Thường, rồi lại hỏi tiếp:

— Anh đã gặp Dung chưa! Dung có nói gì không?

— Thưa, Dung con không nói gì cả, chỉ khóc mãi và bảo con lên đây.

— À!

Sư thân mật nắm tay Thường, kéo đến ngồi trên phiến đá bên gốc cây dạ-hương, rồi chậm rãi nói:

— Tai biến xảy đến cho gia đình Dung không sao lường được? Anh đi có hai tháng mà gia đình Dung tan nát như thế đó. Bọn thân binh đóng đồn ở ngoài quốc-lộ, thừa một đêm tối trời đã đến cướp phá nhà Dung, bắt chết mẹ nàng và bắt nàng dẫn đi... Sau một ngày một đêm, chúng mới thả Dung ra.

— Trời! thường thốt ra một tiếng nhỏ, nhưng có mãnh lực đau đớn như khi bị ai đâm một nhát dao vào tim!

Sư tiếp:

— Ủ, thực quá sức dã-man. Dung trở về đây, phần thương tiếc mẹ, phần đau đớn, nhục nhã, cho thân mình bị ô uế, đã không muốn sống nữa. Tôi phải khuyên giải mãi Dung mới trở về đi dạy lại. Dung nhiều tự ái lắm. Nàng đã quyết định xa anh, coi như cuộc hôn nhân ngang đó là chấm dứt. Nếu anh còn thương Dung thì hãy bỏ qua cái tai biến ấy đi, vì dù sao, nàng cũng chỉ là một nạn nhân tội nghiệp đau khổ nhất. Bây giờ đây, ngoài anh ra, Dung không còn ai là người thân yêu nữa. Chỉ có anh là có thể hàn gắn được một phần nào cái hạnh-phúc đã tan vỡ, chỉ có anh là người duy nhất có thể cứu vớt được Dung ra khỏi cuộc đời u tối mà nàng đang sống. Sao, anh nghĩ thế nào?

Thường này giờ ngồi im lặng nghe Sư Thiện-Ứng nói.

Nét mặt chàng tự lự, dăm chiêu, môi mím chặt lại như mếu. Hai mắt chàng long lanh trong bóng tối, như có giọt nước mắt và chớp mãi. Khi nghe Sư hỏi, Thường trả lời, giọng run run cảm động:

— Xin thầy hãy tin ở con. Con sẽ cố gắng gây lại hạnh phúc cho Dung. Bây giờ con xin phép thầy trở lại nhà Dung.

Sư Thiện-Ứng hơn lở nói:

— Mô Phật! Thế thì quý lắm! Thôi anh đi gấp đi kẻo Dung đợi, tội nghiệp.

Thường vái chào Sư Thiện Ứng rồi tất tả chạy xuống đồi. Trong lúc gấp rút, đôi giày chàng nhiều lần trượt dài trên đá sỏi, làm chàng muốn ngã. Chàng đi như người mất hồn. Có một nỗi gì dẫn dắt trong cổ họng Thường, một nỗi gì như uất hận đè nặng trên lòng chàng. Tri chàng lữn-võn những hình ảnh giản-co giữa Dung và bọn thân-binh. Những tiếng khóc, tiếng thét, tiếng rú, tiếng cười hòa lẫn đầu dây trong bóng tối...

Thường đến nhà Dung bao giờ không hay. Trong nhà, cửa đóng kín mít, không đèn đuốc, im lặng. Thường như người mất trí, xô cửa bước vào. Cánh cửa không cài then mở toan ra trước cánh tay đầy mạnh của Thường. Chàng gọi:

— Dung, Dung! Anh về đây!

Không có tiếng trả lời. Thường lại gọi. Một phút sau, từ trong góc phòng, có tiếng Dung nói vọng ra:

— Anh đi về đi! Anh đi về ngay đi. Em không thể làm vợ anh nữa đâu. Em không muốn anh sẽ khổ sở vì em suốt đời.

Thường chạy đến, quên tất cả những gì đã xảy đến ôm Dung vào lòng mà khuyên dỗ:

— Em đừng nói nữa. Em không có lỗi lầm gì hết. Anh nguyện suốt đời ở luôn bên cạnh em.

(Còn nữa)

NGHỆ - THUẬT GIẢNG DẠY PHẬT - PHÁP CHO THIẾU - NHI

THÍCH-CHÁNH-TIÊN

A. — **Lời nói đầu.** — Như chúng ta đều biết: Gia - Đình Phật - Tử ra đời nhằm mục-dịch giáo - dục cho Thanh. Thiếu - nhi trở thành những người Phật - tử chân-chính, và phải biết làm gì cho cuộc đời để sống lợi-ích cho mình, cho gia-đình, xã-hội, và cao-vọng hơn nữa là cho mọi người mọi loài chúng sanh. Mục-dịch thì cao cả đẹp-dẽ như thế, nhưng khi thừa hành cái trách-nhiệm thiêng-liêng ấy, đòi hỏi ở chúng ta phải có nhiều « nghệ-thuật » khéo-léo trong kinh thường nói: « Thiện xảo phương - tiện » mới có thể đạt tới kết quả mà mọi người Phật - tử chúng ta thường mong-muốn.

Xét ra vấn-đề giáo-dục của Gia-đình Phật-tử có chia ra nhiều môn học tập khác nhau, tất nhiên người giảng-dạy về môn nào cho các em cũng cần phải có nhiều nghệ-thuật

mới có thể thành tựu được. Trong phạm vi của bài này chúng tôi chỉ đề cập sơ qua về « Nghệ - Thuật Giảng - Dạy Phật - Pháp Cho Thiếu - Nhi » mà thôi. Song, cũng có thể suy rộng ra để bổ-trợ cho các môn học-tập khác trong Gia-đình Phật-tử.

B. — **Vì sao khi giảng-dạy Phật - pháp cho Thiếu - nhi lại cần phải có nghệ - thuật.** — Môn học « Phật - Pháp » là môn học-tập « Chính » trong Gia - đình Phật - tử, cho nên người đứng ra lãnh cái trách-nhiệm giảng dạy cho các em là cả một vấn-đề tối ư quan trọng, và không phải ai cũng có thể dạy được, dạy đê cho « xong việc »! Vì:

1) Giảng dạy không có nghệ-thuật sẽ không nắm vững được tinh thần của các em, dễ khiến các em làm ồn-náo nghịch-ngợm mất kỷ-luật, vãn

ngồi nghe..., nhưng sự thực thì các em không nghe gì cả, như thể trong một buổi học Phật - Pháp, các em không thấu-luộm được kết-quả gì cả!

2) Giảng dạy không có nghệ-thuật sẽ làm cho các em chán nản, không ham thích học-tập Phật-pháp!

3) Giảng dạy không có nghệ-thuật sẽ làm cho giờ học-tập Phật - pháp trở nên khô khan, buồn ngủ, thiếu không khí hoạt-dộng, và làm cho các em bực-bội khó chịu. Giảng dạy như vậy tức là chúng ta đã vô tình giết chết niềm tin-tưởng đối với Phật-pháp lúc ban đầu của các em, và phản ngược với đường lối giáo - dục của Gia - đình Phật - tử!

C. — Muốn có nghệ-thuật khi giảng dạy Phật pháp cho Thiếu-nhi phải làm thế nào. —

Thực ra, vấn đề nghệ-thuật giảng dạy chưa dễ gì đã có thể đem ra chỉ vẽ cho mọi người như là một công-thức toán-học, vì lẽ nó cần phải thực-hành và kinh nghiệm nhiều mới có thể cảm - nhận được. Dưới đây, chúng tôi chỉ nêu ra một vài điều mà chúng tôi đã thấu luộm trong những khi giảng

dạy cho các em, để giúp một phần nào cho các anh, chị em về việc giảng dạy Phật-pháp cho các em Thiếu-nhi Phật - tử:

1) Phải có một căn bản trình-độ hiểu-biết về giáo-lý, và phải hiểu rõ mục-dịch tổ-chức giáo-dục của Gia-đình Phật-tử làm nòng cốt.

2) Phải có tinh-thần tác-phong của một người Huynh-trưởng Phật-tử gương mẫu đạo-đức; phải có những đức-tính hỷ-xả và thành-thực vì muốn làm lợi ích cho các em, cho đạo. Tất cả cử chỉ cùng lời ăn tiếng nói, cần phải hết sức thận trọng và trang-nghiêm, nhưng không kém sự vui-vẻ hồn-nhiên, miễn là làm thế nào để cho các em vẫn thương mến mà vẫn kính-nể không dám khinh-nhờn.

3) Trước khi giảng dạy, cho các em một vấn đề gì về Phật-pháp, cần phải hiểu cho suốt, phải nghiên-cứu cho thật kỹ-lưỡng, trình-bày cho có thứ-tự, sáng-sủa giản-dị, dễ-hiểu.

4) Trong khi giảng dạy, không nên dùng những lời màu-mè mơ-mộng mà trống-rỗng. Kinh nghiệm cho chúng ta thấy rằng: Lời nói càng

thành - thực tha - thiết chừng nào, thì lại càng làm cho các em thấm-nhuần về Phật-pháp nhiều chừng ấy? Lời nói, nếu chúng ta biết xử-dụng nó đúng chỗ, đúng lúc, thành - thực, lời nói chính mình đã rung-cầm đo thực-hành Phật-pháp, thì chúng ta sẽ cảm thấy nó có một sức mạnh thật là phi-thường. Chúng ta vận-dụng sức mạnh ấy, để giao-cảm với niềm-lực của các em, để chuyển tâm-thức của các em phấn-khởi hướng-tiến mạnh về mục đích của đoàn, của Gia-đình Phật-tử, và cao-vọng hơn nữa: Hướng-tiến đến sự cứu-kinh giác-ngộ giải-thoát toàn-mỹ toàn thiện.

5) Trong khi giảng dạy cho các em, cần phải giản-dị, tự-nhiên, không nên quá cầu-kỹ, kiểu-cách, hoặc quá đạo-mạo uy-nghiêm, khiến cho giữa các em và chúng ta trở nên xa-cách. Nhưng cũng không nên quá vui-vẻ dễ-dãi, khiến cho các em coi thường đối với người giảng-dạy, cũng như đối với Phật-pháp.

6) Trong khi giảng-dạy, từ lời nói đến điệu bộ, nhất nhất đều phải giữ gìn đúng với tác-phong đạo-đức của người Huynh-Trưởng Phật-tử, và

phải cho đúng chỗ đúng lúc. Thi-dụ: Giảng đến chỗ cần phải vui-vẻ, thì lúc bấy giờ chúng ta phải có dáng-diệu vui-vẻ (vui-vẻ trong tinh thần đạo-vị); Nếu giảng đến chỗ cần phải cảm động cũng-vậy. Về giọng-nói, chúng ta cũng tùy theo đó mà có khi cao, khi thấp, lúc êm-ái, lúc hùng-dũng nhịp-nhàng với dáng-diệu lúc bấy giờ, để cho các em phải chú-ý vào lời giảng dạy, khiến cho thực-tâm của chúng không duyên theo những cảnh khác.

7) Trong khi giảng dạy, phải tùy theo trình độ hiểu biết, tâm-lý, tuổi-tác hoàn-cảnh, của các em cho được thích-nghĩ.

8) Trong khi giảng dạy, có một điều chúng ta cần phải lưu-ý, là đừng bắt các em phải theo chúng ta, như vâng theo mệnh-của một người chỉ-huy, và không nên quát tháo âm-ý, làm khổ cho tinh-giác của các em phải như đầu diếc óc bực mình..., làm như thế, càng chứng tỏ mình là người thiếu nghệ-thuật điều-khiển, bất lực với các em, có khi lại chàm-ngòi cho các em khởi-hai nghịch-ngợm. Tôi đã từng gặp một số Huynh-trưởng, trong những lúc điều-khiển, đã vô tình mắc phải những khuyết-

điểm đáng tiếc này! Nhưng đó cũng là điều đáng làm cho chúng ta cần phải suy nghĩ, và kinh-nghiệm-thêm, «Thất-bại là mẹ đẻ của thành công»! Chúng ta chỉ cần có một chút cố gắng, chúng ta sẽ đạt được kết quả tốt đẹp.

9) Trong khi giảng dạy do lòng thành cảm-kích một cách «tự-nhiên», lại trở nên một nghệ-thuật thật là màu-nhiệm. Một hôm tôi giảng dạy về lịch-sử đức Phật Thích-Ca Mâu-Ni cho các em, gặp đến chỗ nói về lúc Đức Phật nhập niết-bàn, khi đó tôi nhắc đến lời di-giáo của Phật thì, hốt-nhiên tôi tự rơm rớm nước mắt, vì quá cảm-động, mất một lúc, tôi không còn nói được gì nữa, mặc dầu tôi đã hết sức cố nén, thì ngay lúc đó, trong phòng giảng trở thành một bầu không-khí thật là im lặng trang-nghiêm, tất cả các em đều nghe tôi giảng dạy, và đều biến đổi sắc mặt, hết sức chăm chú nghe theo lời tôi nói một cách thật là ngoan ngoãn dễ thương. Cho nên tôi nghĩ rằng: «Minh có rung cảm thực thì mới có thể làm

cho người khác rung cảm được». Đó cũng là một nghệ-thuật. Nhưng phải thành-thật, đừng tự dối mình, nếu ngược lại, thực là một sự mỉa mai.

D. — **Kết-luận.** — Vấn-đề nghệ-thuật giảng dạy Phật-pháp cho Thiếu-nhi, thực không biết nói thế nào cho cùng, chúng ta cần phải kinh-nghiệm nhiều mới có thể thấu đáo được. Còn trên đây, chúng tôi đã nói: chỉ là một vài điều kinh-nghiệm giúp cho các anh, chị em một phần nào mà thôi.

Phật dạy: «Tài-thi khiến cho chúng-sinh được thân-an, pháp-thi khiến cho chúng-sinh được tâm an, tài-thi chỉ làm cho chúng-sinh được giải-thoát trong một đời. Pháp-thi làm cho chúng-sinh được giải-thoát trong nhiều đời»

Chúng ta hãy cố gắng tung-vãi hạt giống «Chánh-pháp» cho Thiếu-nhi, cho tất cả mọi người, đó là chúng ta báo ân Phật một cách chân chính và tối-thượng.

Động Dương hỏa sơn. — Giáo-hội Tăng-già Trung-phần đã chấp thuận cho ban Quản-trị Ngũ-hành sơn (chùa Non-nước) khai thác thêm một động mới tìm thấy gọi là Dương-hỏa sơn, cảnh trí động này rất kỳ-vĩ. Các Phật-tử ở khuôn hội Phật-giáo Hòa-Long xin cúng công vào việc khai thác động mới này.

Theo lời ban Quản-trị hiện nay trong Ngũ-hành sơn còn nhiều động rất kỳ-vĩ, ban Quản-trị sẽ lần lượt khai thác, để cho Phật-giáo nước nhà sẽ thêm nhiều thắng cảnh quý lạ.

Phái đoàn Phật-Giáo ở Nhật sắp sang Việt-Nam. — Ông Sadami Hirose Giáo sư đại-học-đường Nhật-bản cùng với hai sinh viên sẽ sang thăm V.N vào khoảng tháng 11 - 1960 sắp đến để nghiên cứu và tìm hiểu sinh hoạt của Phật-giáo ở V.N. Nếu không có sự trở ngại, phái đoàn sẽ ở lại chùa Xá-Lợi và có mở những cuộc diễn thuyết về Phật-giáo.

Phát thanh Phật - Giáo. — Tổng-hội Phật-giáo V.N. đã tổ chức phát thanh hằng tuần bắt đầu ngày 12-6-1960 từ 12 giờ đến 12 giờ 30 trên đài vô tuyến Sài-gòn hệ thống C. Chương trình buổi phát thanh ấy gồm có: Giáo-lý, tin tức và âm-nhạc.

Ở Huế cũng sắp có phát thanh Phật-giáo hằng tuần do G-Đ. P-T Thừa-Thiên phụ trách, chúng tôi sẽ loan báo lần thứ hai sau khi đã minh định ngày giờ.

Tiền lạc cúng kiến-thiết Tổng-hội-quán chùa Từ-Đàm Huế.
— Văn phòng Hội Phật-giáo T. P. tại Từ-Đàm cho biết, đến ngày 5-10-1960 văn phòng đã nhận:

- Tỉnh-hội Quảng-Nam 20.000\$00
- Tỉnh-hội Khánh-Hòa 30.000\$00
- Tỉnh-Hội Darlac (Banmethuot) . . . 10.000\$00
- Tỉnh-Hội Tuyên-Đức (Đalạt) . . . 20.000\$00
- Tỉnh-Hội Đà-Nẵng 10.000\$00
- Tỉnh-Hội Bình-Định 10.000\$00

KÍNH CÁO

Chúng tôi được tin là Liên-Hoa số 8 vừa rồi có nhiều độc-giả bị thất lạc đến nay vẫn chưa nhận.

Vậy vị nào đổi chỗ ở hoặc chưa có L-H số 8 xin tin cho chúng tôi biết, chúng tôi sẽ gửi lại, để quý vị được xem liền tiếp khỏi gián đoạn bài vở.

L-H

Triền lãm mỹ-thuật Phật-giáo. — Tại Tòa Thị-sảnh Talawakelle ở Tích-Lan đã có mở một cuộc triền lãm về điêu-khắc, kiến-trúc, hội-họa Phật-giáo và đời sống xã hội trong các thời-đại của các nước Ấn-Độ, Diên-Điện, Nam Dương, Nhật - Bản, Cao-Mên, Hương-Cảng, Việt-Nam, Mă-Lai và các nước khác.

Trước đó Đại-đức Tiranagama Ratanasara, Thư-ký Hội-đồng Nghiên-cứu Mỹ-thuật Phật - giáo Á - châu có giảng về mỹ thuật Phật-giáo. Cuộc triền-lãm này sẽ được trưng bày nhiều nơi ở Tích-Lan.

Một phái đoàn Phật-giáo viếng thăm Tây-Đức — Một phái đoàn Phật-giáo đã rời Luân-Đôn qua Tây-Đức, để đáp lời mời của Chính-Phủ Liên-bang Tây-Đức. Phái đoàn gồm có hai Sa-môn Diên-Điện, Đại-đức U Thittila và Đại-đức U Silananda và ông U Chan Htoon là Chủ-tịch Hội Phật-giáo Thế-Giới.

Thủ-tướng Diên-Điện U-Nu muốn dân chúng ngưng ăn chay như ông. — Thủ-tướng U-Nu của Diên-Điện đã tuyên bố tại thủ-đô Rangoon là ông ước muốn được thấy toàn thể dân chúng Diên-Điện ăn chay như ông. Trong một cuộc họp báo, đáp lời hỏi là Chính-Phủ định làm thế nào để hạ giá cá ông đã nói rằng: "Tôi sẽ rất sung sướng nếu dân chúng không ăn cá nữa và chỉ sống bằng rau quả như tôi". Ông đã hạ lệnh cấm giết bò từ ngày ông lên cầm quyền vào tháng 2 Dương lịch.

Cựu Thủ-Tướng Thái-Lan xuất gia. — Vào ngày mồng 4 tháng 8 đã qua, tại một ngôi chùa Thái xây dựng tại Bồ-Đề Đạo-Tràng từ xưa, trong một buổi lễ đặc biệt, ông Phibul Songgram, nguyên Thủ-tướng Thái-Lan trước kia, đã từ-giã đời thế-tục và thế-phát xuất-gia. Đại-đức Dharmadhiraj, trụ-trì ngôi chùa ấy, đã làm lễ xuất-gia cho ông Songgram trước một tượng Phật to bằng hình người.

Một ngôi chùa tại Đông-Hồi. — Dacca, thủ-đô của Đông-Hồi, sẽ có một ngôi chùa. Trung Tâm Văn-Hóa Phật-Giáo tại Dacca đã được chánh-quyền tình-lý biểu hai mẫu đất để xây cất một ngôi chùa "một phong cảnh đẹp-dẽ trong lịch sử văn hóa của Đông-Hồi". Ông Thống-đốc Đông-Hồi đã tuyên bố rằng: "Chính-phủ tôi muốn rằng mỗi Phật-tử cũng như mọi cá-thể của các đoàn thể thiếu-số được sống vui vẻ và bằng lòng".

Cùng Toàn-thê Phật-tử,

Quý vị: Muốn ủng-hộ Phật-Học-Viện. Muốn có thức ăn tinh khiết và bổ dưỡng. Hãy Dùng:

Vị Trai Thanh Khiết **NHÃN HIỆU « LÁ BỒ-ĐỀ »**

Vị trai này do chính Chư Tăng **PHẬT-HỌC-VIÊN** bào chế bằng đậu nành, đậu phụng, bột mì. Phương-pháp bảo đảm. Đã được viện **PASTEUR** phân chất và công nhận đầy đủ chất bổ, có bán khắp các tỉnh.

BÍ CHÚ: Vị nào muốn làm đại-lý hãy liên lạc với Ban Quản-lý Phật-Học-Viện Nhatrang

In tại Nhà In Liên-Hoa đường Lam-Sơn — Huế